CHỦ ĐỘNG NGĂN CHẶN NGUY CƠ XÂM NHIỄM BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI VÀO VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, Cục Thú y - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành công điện khẩn số 6741/CĐ-BNN-TY về việc chủ động ngăn chặn nguy cơ xâm nhiễm bệnh dịch tả lợn châu Phi vào Việt Nam. Nội dung cụ thể như sau:

Theo thông tin của Tổ chức Thú y thế giới (OIE), ngày 1/8/2018, bệnh dịch tả lợn châu Phi (tên tiếng Anh là *African swine fever* - viết tắt là ASF) lần đầu tiên được báo cáo xuất hiện tại tỉnh Hắc Long Giang của Trung Quốc. Tính đến ngày 25/8/2018, tổng cộng đã có 4 ổ dịch tả lợn châu Phi được Trung Quốc báo cáo cho OIE với tổng số lợn buộc phải tiêu hủy là gần 10.000 con. Mặt khác, từ cuối năm 2017 đến nay, đã có 12 quốc gia bao gồm: Trung Quốc, Liên bang Nga, Ba Lan, Cộng hòa Séc, Hungary, Latvia, Mondova, Phần Lan, Rumani, Nam Phi, Ucraina và Zambia báo cáo có dịch tả lợn châu Phi.

Dịch tả lợn châu Phi là một bệnh truyền nhiễm nguy hiểm do vi rút gây ra. Bệnh có đặc điểm lây lan nhanh trên loài lợn (gồm cả lợn nhà và lợn hoang dã). Bệnh xảy ra ở mọi lứa tuổi và mọi loại lợn. Bệnh gây thiệt hại nghiêm trọng với tỷ lệ chết cao lên đến 100%. Vi rút gây ra bệnh dịch tả lợn châu Phi có sức đề kháng cao trong môi trường. Sau khi khỏi bệnh lâm sàng, lợn vẫn có khả năng mang vi rút trong thời gian dài và có thể trở thành vật chủ mang trùng suốt đời. Do vậy, nếu để xảy ra bệnh sẽ rất khó để loại trừ được mầm bệnh.

Hiện nay, chưa có vắc xin và thuốc điều trị đặc hiệu bệnh dịch tả lợn châu Phi. Vì vậy, giải pháp phòng bệnh là chính, phát hiện và xử lý triệt để ổ dịch ngay từ khi ở phạm vi nhỏ và chưa lây lan. Các biện pháp chủ yếu như kiểm dịch nhập khẩu, kiểm soát vận chuyển lợn và chăn nuôi an toàn sinh học được nhiều nước đã và đang áp dụng.

Tổ chức tuyên truyền đến cộng đồng dân cư để người dân không mua bán lợn, sản phẩm của lợn không có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng

Để chủ động ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan của vi rút Dịch tả lợn châu Phi vào Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đề nghị đồng chí Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Bộ, ngành liên quan phối hợp chỉ đạo triển khai một số nội dung sau đây:

1. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Ủy ban Nhân dân các cấp và các ban, ngành liên quan:

a. Tăng cường công tác chống buôn lậu lợn và các sản phẩm của lợn từ nước ngoài vào Việt Nam; tuyệt đối không cho phép buôn bán, vận chuyển lợn và sản phẩm của lợn bất hợp pháp qua biên giới, không rõ nguồn gốc, kể cả quà tặng, quà biếu của cư dân biên giới; phát hiện và kiên quyết xử lý tình trạng buôn lậu lợn, sản phẩm của lợn theo đúng quy định của pháp luật; tổ chức giám sát chặt chẽ, tăng cường công tác kiểm dịch động vật;

b. Tăng cường theo dõi, giám sát đàn lợn tại địa phương, nếu phát hiện lợn bệnh với các triệu chứng, bệnh tích điển hình của bệnh dịch tả lợn châu Phi; hoặc nghi là lợn, sản phẩm lợn nhập lậu trái phép thì cần lấy mẫu gửi đến Chi cục Thú y vùng quản lý địa bàn hoặc Trung tâm Chẩn đoán thú y Trung ương để chẩn đoán, xét nghiệm xác định tác nhân gây bệnh;

c. Thành lập các đoàn công tác đi kiểm tra, đôn đốc thực hiện việc phòng, chống dịch bệnh tại các cửa khẩu và các địa bàn có nguy cơ cao; ☞

d. Tổ chức tuyên truyền đến cộng đồng dân cư để người dân không tham gia các hoạt động buôn bán, vận chuyển lợn, sản phẩm của lợn nhập lậu vào trong nước tiêu thụ. Ngoài ra, không mua bán lợn, sản phẩm của lợn không có nguồn gốc rõ ràng, chưa qua kiểm dịch thú y để hạn chế phát sinh và lây lan dịch bệnh.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tích cực triển khai thực hiện công tác tuyên truyền phòng, chống bệnh dịch tả lợn châu Phi. Nội dung tuyên truyền cần nêu rõ tác hại của việc nhập lậu lợn, sản phẩm của lợn đến người chăn nuôi, ngành chăn nuôi; khuyến cáo người dân không sử dụng sản phẩm của lợn nhập lậu không rõ nguồn gốc.

3. Bộ Công thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Quốc Phòng (Bộ Tư lệnh bộ đội biên phòng) chỉ đạo các lực lượng chức năng phối hợp chặt chẽ với lực lượng thú y và Ủy ban Nhân dân các tỉnh biên giới triển khai đồng bộ, có hiệu quả công tác phòng, chống bệnh dịch tả lợn châu Phi lây lan qua biên giới.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Cục Thú y:

a. Chủ động liên hệ với các tổ chức quốc tế (OIE, FAO), các nước để nắm bắt thông tin, diễn biến tình hình dịch bệnh dịch tả lợn châu Phi; đề nghị hỗ trợ và phối hợp tìm các giải pháp chủ động ngăn chặn nguy cơ xâm nhiễm bệnh dịch tả lợn châu Phi vào Việt Nam.

b. Chỉ đạo các Chi cục kiểm dịch động vật vùng Lào Cai, Lạng Sơn và Quảng Ninh:

- Chủ động phối hợp, hướng dẫn các Chi cục Chăn nuôi và Thú y tham mưu và đề xuất với chính quyền địa phương các tỉnh phía Bắc chỉ đạo tăng cường việc giám sát, phát hiện và xử lý các trường hợp vận chuyển bất hợp pháp lợn và các sản phẩm lợn vào Việt Nam.

- Theo dõi diễn biến tình hình dịch bệnh trên lợn nói chung và nguy cơ lây lan bệnh dịch tả lợn châu Phi để kịp thời triển khai các giải pháp nhằm ngăn chặn sự xâm nhiễm của bệnh này vào Việt Nam.

c. Chỉ đạo các Chi cục Thú y vùng và Trung tâm chẩn đoán thú y Trung ương:

- Khẩn trương rà soát năng lực, xây dựng và ban hành quy trình chẩn đoán, xét nghiệm bệnh dịch tả lợn châu Phi để thống nhất áp dụng trong phạm vi toàn quốc; chuẩn bị các điều kiện, trang thiết bị và các nguyên vật liệu cần thiết để thực hiện chẩn đoán, xét nghiệm bệnh dịch tả lợn châu Phi;

- Hướng dẫn, phối hợp và đôn đốc các Chi cục Chăn nuôi và Thú y các tỉnh trong việc theo dõi, giám sát và ứng phó (nếu phát hiện có sự xuất hiện) bệnh dịch tả lợn châu Phi■

BBT *(gt)*

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG BỆNH KHẢM LÁ VIRUS HẠI SẮN

Ngày 06/8/2018, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

Bệnh khảm lá virus hại sắn (mì) có tên khoa học là *Sri Lanka Cassava Mosaic Virus* (SLCMV), lan truyền qua môi giới truyền bệnh là bọ phấn trắng *(Bemisiatabaci)* và qua hom giống nên khả năng lây lan rất nhanh, gây hại nghiêm trọng các vùng trồng sắn ở Việt Nam. Tháng 6/2017, bệnh khảm lá sắn lần đầu tiên xuất hiện và gây hại ở tỉnh Tây Ninh, đến nay bệnh đã lan rộng, gây hại trên 90% diện tích trồng sắn ở Tây Ninh và đang lan ra các tỉnh Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Đắk Lắk, Bình Phước.

Bệnh gây hại trên hầu hết các giống sắn nhưng hại nặng trên các giống sắn HLS 11, KM 419 trong khi nhiều hộ dân sử dụng nguồn giống trong vùng dịch, giống nhiễm bệnh để trồng nên bệnh càng có nguy cơ lây lan nhanh ra diện rộng, gây hại nghiêm trọng hơn. Để chủ động phòng chống bệnh khảm lá sắn nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho sản xuất sắn trong toàn quốc, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị:

1. UBND các tỉnh, thành phố có trồng sắn

a. Đối với những tỉnh đã phát hiện bệnh khảm lá sắn.

- Thành lập, kiện toàn và duy trì hoạt động của Ban chỉ đạo phòng chống bệnh khảm lá sắn ở các cấp.

- Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Uỷ ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức liên quan nghiêm túc áp dụng các biện phòng chốngbệnh khảm lá sắn, theo hướng dẫn trong quy trình kỹ thuật phòng trừ bệnh khảm lá sắn Cục Bảo vệ thực vật đã ban hành, trong đó chú trọng chỉ đạo cấm việc vận chuyển hom giống sắn ra khỏi vùng dịch hoặc sang địa phương khác.

Bọ phấn trắng gây hại trên lá sắn

- Thông tin tuyên truyền, hướng dẫn nông dân, người sản xuất không trồng các giống sắn đã xác định nhiễm bệnh nặng, trong đó nghiêm cấm mua bán, trồng giống sắn HLS11; tích cực tổ chức phòng trừ bọ phấn là môi giới truyền bệnh.

- Khuyến cáo các tổ chức, cá nhân trồng sắn chuyển cây trồng khác hoặc không trồng sắn ít nhất 01 vụ để cắt nguồn bệnh.

b. Đối với các tỉnh chưa phát hiện bệnh khảm lá sắn.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn liên quan tiến hành rà soát kỹ các diện tích trồng sắn để phát hiện, tiêu hủy nguồn bệnh kịp thời;ngăn chặn triệt để việc sử dụng cây sắn đã nhiễm bệnh làm giống; tăng cường kiểm soát không để tổ chức, cá nhân vận chuyển giống từ các địa phương đang có dịch bệnh về địa phương.

- Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các cơ quan chuyên môn tăng cường rà soát, thống kê diện tích sắn nhiễm bệnh khảm lá. Hướng dẫn nông dân thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng trừ bệnh theo quy trình kỹ thuật của Cục Bảo vệ thực vật đã ban hành. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về tác hại của bệnh và các biện pháp phòng chống cho người trồng sắn.

2. Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a. Cục Bảo vệ thực vật

- Tiếp tục chỉ đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật các tỉnh, thành phố tăng cường điều tra, phát hiện sớm bọ phấn trắng, bệnh khảm lá virus hại sắn và chủ động áp dụng các biện pháp phòng trừ kịp thời.

- Giao Cục Bảo vệ thực vật hướng dẫn các địa phương sử dụng tạm thời một số loại thuốc trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam để phục vụ công tác chống dịch trong thời gian chưa có sản phẩm được đăng ký chính thức và báo cáo Bộ.

- Chủ trì, phối hợp với Viện Bảo vệ thực vật và các địa phương tiến hành đánh giá mức độ nhiễm bệnh của các giống sắn; mức độ ảnh hưởng năng suất của các giống sắn và tỷ lệ bệnh khác nhau làm cơ sở rà soát, bổ sung hoàn thiện quy trình kỹ thuật phòng trừ bệnh khảm lá sắn.

- Kiểm tra, đôn đốc các địa phương thực hiện các biện pháp phòng trừ bệnh; tổng hợp và báo cáo tình hình dịch bệnh, công tác phòng chống về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b. Cục Trồng trọt

- Theo dõi tình hình sản xuất sắn ở các địa phương để phối hợp chỉ đạo về giống, thời vụ và các biện pháp kỹ thuật canh tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Chủ trì, phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật, Viện Bảo vệ thực vật, Viện Khoa học nông nghiệp miền Nam xây dựng các mô hình quản lý bệnh bằng nguồn giống sạch bệnh để các địa phương áp dụng.

c. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

- Chỉ đạo hệ thống khuyến nông các cấp tập trung tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn tới tận hộ nông dân các biện pháp phòng trừ bọ phấn trắng, bệnh khảm lá sắn.

- Thực hiện xây dựng các mô hình phòng trừ bệnh có hiệu quả; kịp thời tổng kết và phổ biến kết quả mô hình để áp dụng trên diện rộng.

- Tổ chức in ấn sổ tay, tờ rơi, poster, thông tin tuyên truyền phòng trừ bọ phấn trắng và bệnh khảm lá sắn.

d. Cơ quan nghiên cứu: Viện Bảo vệ thực vật chủ trì, phối hợp với Học viện Nông nghiệp Việt Nam tiếp tục nghiên cứu sâu về bệnh khảm lá sắn; tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế trong nghiên cứu về dự báo, chẩn đoán và phòng chống bệnh khảm lá sắn■

BBT *(gt)*

KHAI GIẢNG KHÓA TẬP HUẤN SẢN XUẤT CHÈ BỀN VỮNG CHO CÁC NƯỚC ASEAN

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Viện Khoa học Kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc khai giảng Khóa Tập huấn "Sản xuất chè bền vững cho các nước ASEAN". Đây là sự kiện hợp tác quốc tế thứ 3 trong năm 2018 do Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổ chức sau Hội nghị ca cao ASEAN lần thứ 21 và Hội nghị thường niên nhóm công tác ASEAN về đào tạo nông nghiệp và khuyến nông lần thứ 25.

Khóa tập huấn diễn ra trong 7 ngày từ ngày 20 - 27 tháng 8 với sự tham dự của 30 học viên đến từ 5 quốc gia, bao gồm: Lào, Malaysia, Philipine, Thái Lan và Việt Nam. Trong thời gian diễn ra khóa tập huấn, các học viên đã chia sẻ kinh nghiệm sản xuất chè của các nước ASEAN, sau đó là các buổi học lý thuyết về giống và kỹ thuật nhân giống chè; chăm sóc chè giai đoạn kiến thiết cơ bản và chăm sóc chè giai đoạn kinh doanh; Quản lý sâu bệnh hại chè; Thu hoạch, sơ chế, bảo quản chè; Sản xuất chè bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu. Sau các buổi học lý thuyết, các học viên đã được thực hành nhân giống chè; nhận biết, phòng trừ sâu bệnh hại chè ngay tại hiện trường và thăm mô hình sản xuất chè.

Phát biểu khai mạc khóa tập huấn, TS. Trần Văn Khởi - Quyền Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia cho biết: "Cây chè đã có mặt ở Việt Nam cách đây gần 3000 năm vì vậy Việt Nam có rất nhiều kinh nghiệm trong sản xuất chè cũng như văn hóa thưởng thức trà đã có mặt ở Việt Nam từ rất lâu đời. Với gần 130.000 ha diện tích trồng chè, sản lượng chè búp tươi đạt 1 triệu tấn/năm, Việt Nam hiện là nước sản xuất chè đứng thứ 7 và xuất khẩu chè đứng thứ 5 trên thế giới. Năm 2017, Việt Nam xuất khẩu khoảng 140.000 tấn chè khô, trị giá 230 triệu USD. Sản phẩm chè của Việt Nam đã có mặt ở 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới với các thị trường chính là Pa-ki- xtan, Đài Loan, Nga, Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Hoa Kỳ… Thời gian tới, Việt Nam sẽ cải thiện giống chè, đưa giống mới có năng suất và chất lượng cao vào sản xuất, phát triển hài hòa chè ở các vùng khác nhau để sản xuất chè xanh, chè đen, chè Ô long; tăng giá trị cho chè xuất khẩu của Việt Nam. Một trong những giải pháp quan trọng hiện nay là tổ chức cho nông dân sản xuất chè theo tiêu chuẩn an toàn như VietGAP, Chứng nhận UTZ, Rainforest Alliance…".

Lãnh đạo Trung tâm KNQG cùng các học viên khóa tập huấn chụp ảnh lưu niệm

Trong phần phát biểu chào mừng các học viên, TS. Đặng Văn Thư, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc đã có phần giới thiệu về cơ cấu tổ chức và một số kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ nổi bật của Viện. Trụ sở chính của Viện tại xã Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ - nơi các học viên có phần lớn thời gian học và thực hành tại đây, có diện tích 250 ha. Với thời gian 100 năm thành lập, Viện hiện đang lưu giữ tập đoàn quĩ gen của 170 giống chè, 273 giống cây ăn quả (13 loài), 300 giống lúa cạn, gần 150 giống cao su và một số mẫu giống các cây trồng quí hiếm khác trong vùng, được thu thập trong và ngoài nước. Viện có phòng thí nghiệm phân tích đất và chất lượng nông sản, phòng nghiên cứu công nghệ sinh học và 2 xưởng chế biến phục vụ nhu cầu nghiên cứu và phát triển cây trồng nông lâm nghiệp cho các tỉnh Trung du, miền núi phía Bắc. Những kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ nổi bật của Viện, đặc biệt là các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất chè đã thu hút sự quan tâm của các học viên đến từ Malaixia, Lào và Philipine. Nhiều câu hỏi về việc trồng xen chè với cây ăn quả, trồng chè dưới tán cây, cách quản lý sâu bệnh trong sản xuất chè và tiến bộ kỹ thuật trong thu hái chè bằng máy từ các học viên nước bạn đã được TS. Nguyễn Văn Thư trả lời thỏa đáng.

Hy vọng rằng khóa tập huấn lần này sẽ mang lại nhiều kiến thức, kỹ năng trong sản xuất chè bền vững cho các học viên. Đồng thời, qua đây cũng sẽ giúp các học viên của Việt Nam học hỏi được nhiều kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp từ các nước bạn đúng theo tinh thần đoàn kết, chia sẻ và hợp tác mà các quốc gia ASEAN đang hướng tới■

VIỆT OANH
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP CHUYÊN ĐỀ:

*"PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, NÔNG SẢN SẠCH THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU"

Những năm gần đây, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khuyến khích sản xuất hướng tới nền nông nghiệp hữu cơ, tăng sử dụng phân hữu cơ, giảm dùng phân hóa học và quản lý sâu bệnh theo hướng hữu cơ sinh học. Đây được coi là một trong các giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, trong bối cảnh nguy cơ hiện hữu của "canh tác hóa học", khai thác đến suy kiệt đất đai, nguồn nước. Thực hiện chủ trương đó, trong 2 ngày 19 - 20 tháng 7, tại Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam; Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Nam tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp, chủ đề: "Phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông sản sạch thích ứng với biến đổi khí hậu".

Là 1 trong 170 quốc gia trên thế giới có mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ; từ năm 2007 đến 2015, diện tích canh tác và nuôi trồng hữu cơ trên cả nước tăng từ 12.120 ha lên 76.666 ha, nhanh hơn tốc độ trung bình toàn cầu. Hiện, cả nước có 33 tỉnh/thành sở hữu các mô hình trồng trọt và chăn nuôi thủy sản theo hướng hữu cơ. Tuy nhiên, nền nông nghiệp hữu cơ Việt Nam chỉ mới khởi đầu và vẫn còn nhiều khó khăn do các chính sách hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp hữu cơ hầu như chưa có, nhận thức của người sản xuất, người tiêu dùng và của cả cộng đồng về nông nghiệp hữu cơ còn hạn chế… Vì thế, sản phẩm nông nghiệp hữu cơ được sản xuất còn hạn chế, phần lớn người tiêu dùng vẫn chưa có khái niệm về sản phẩm nông nghiệp hữu cơ. Do đó, sản phẩm nông nghiệp hữu cơ vẫn chưa được người tiêu dùng tin tưởng sử dụng. Đây chính là một trong những điểm yếu khiến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam khó tiêu thụ trong những năm qua.

Ban chủ tọa, ban cố vấn tại Diễn đàn

Diễn đàn thu hút trên 200 đại biểu, trong đó gần 150 nông dân của 5 tỉnh khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ. Tại Diễn đàn, bà con nông dân đã gửi tới Ban Chủ tọa, Ban cố vấn trên 30 câu hỏi xoay quanh các vấn đề liên quan tới sản xuất và tiêu thụ nông nghiệp hữu cơ như: chính sách hỗ trợ

Các đại biểu tham quan cửa hàng nằm trong chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản sạch tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

vốn, chính sách liên kết tiêu thụ sản phẩm, các tiêu chuẩn, chứng nhận thương hiệu, kỹ thuật canh tác…. Trong khuôn khổ của Diễn đàn, các đại biểu đã đi tham quan một số mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại địa phương.

Ông Lê Văn Hưng - Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam cho biết, nông nghiệp hữu cơ là hướng đi bền vững, tuy nhiên đây là vấn đề khó, vì hành lang pháp lý còn hạn chế, thiếu những nghiên cứu cơ bản. Vì vậy, để phát triển được nông nghiệp hữu cơ, cần đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho người sản xuất nông nghiệp; thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ dựa trên thế mạnh các sản phẩm chủ lực của địa phương.

Kết luận tại Diễn đàn, TS. Trần Văn Khởi - Q. Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đề xuất những giải pháp để nông nghiệp hữu cơ phát triển:

- Nhà nước cần hoàn thiện các khung pháp lý, ban hành chính sách, các quy chuẩn, quy trình sản xuất áp dụng cho nông nghiệp hữu cơ;

- Các địa phương cần có quy hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ dựa trên các cây, con phù hợp với đặc thù, có tính khả thi với từng địa phương. Đồng thời có các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hỗ trợ nông dân chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về nông nghiệp hữu cơ, hệ thống khuyến nông chú trọng công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn để người sản xuất thay đổi nhận thức và nâng các kỹ năng sản xuất;

- Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam cần tư vấn các chính sách phù hợp, phát động các phong trào thi đua, tuyên dương các mô hình điển, hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ giỏi để nhân rộng;

- Người sản xuất tích cực tham gia các lớp tập huấn, hướng dẫn sản xuất nông nghiệp an toàn, tham gia hợp tác, liên kết sản xuất để sản xuất nông nghiệp sạch và nông nghiệp hữu cơ bền vững■

ĐỖ TUẤN
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

* "PHÁT TRIỂN NUÔI CÁ LỒNG HIỆU QUẢ CAO, BỀN VỮNG TRÊN SÔNG VÀ HỒ CHỨA VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC"

Ngày 13 tháng 7 năm 2018, tại huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp với chủ đề: "Phát triển nuôi cá lồng hiệu quả cao, bền vững trên sông và hồ chứa vùng Trung du miền núi phía Bắc". Ông Kim Văn Tiêu - Chuyên viên cao cấp, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; Bà Cầm Thị Phong - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Sơn La; Ông Nguyễn Hoài Thu - Chủ tịch UBND huyện Quỳnh Nhai đồng chủ trì Diễn đàn.

Tham dự Diễn đàn có đại diện lãnh đạo, chuyên gia các Vụ, Viện, Trường, cùng đại diện Lãnh đạo các Sở, Ban, ngành tỉnh Sơn La; UBND huyện Quỳnh Nhai; một số doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực thủy sản và hơn 300 bà con nông dân nuôi cá lồng đến từ 7 tỉnh/thành phố Sơn La; Lào Cai; Lai Châu; Điện Biên; Hòa Bình; Yên Bái; Hà Nội cùng đông đảo các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương và địa phương.

Các đại biểu tham quan gian hàng trưng bày các sản phẩm cá lồng trong khuôn khổ diễn đàn

Khu vực Trung du miền núi phía Bắc là vùng có nhiều tiềm năng để phát triển nuôi cá trên sông, hồ chứa, hồ thủy điện. Nuôi cá lồng bè trong sông, suối và hồ chứa có ưu thế: nước sạch, hàm lượng ôxy lớn nên cá lớn nhanh, ít bị bệnh, thịt săn chắc thơm ngon, không có mùi bùn như nuôi trong ao. Mặt khác, nuôi cá lồng còn mang lại hiệu quả xã hội rất lớn, cung cấp sản phẩm tại chỗ, cải thiện đời sống cho đồng bào miền núi còn nhiều khó khăn, tăng thu nhập cho một bộ phận dân cư, giải quyết việc làm, giảm tệ nạn phá rừng.

Tỉnh Sơn La với hơn 20.000 ha mặt nước, điều kiện khí hậu, nhiệt độ môi trường có thể phát triển nuôi các đối tượng có giá trị kinh tế cao như cá chép, cá trắm, cá rô phi đơn tính, cá chiên, cá lăng, cá nheo,…đặc biệt là cá tầm. Tuy nhiên, nghề nuôi cá ở các địa phương vẫn phát triển chậm, chưa tận dụng và phát huy hết tiềm năng của vùng. Số lượng lồng bè và sản lượng nuôi tăng dần qua các năm nhưng sản phẩm nuôi vẫn chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa, chưa tạo thành sản phẩm hàng hóa tập trung phục vụ chế biến và xuất khẩu.

Bà Nguyễn Thị Hà - Nguyên Giám đốc Trung tâm Quan trắc và Bệnh thủy sản miền Bắc cho rằng: Yếu tố môi trường tác động rất lớn tới các yếu tố gây bệnh trên cá lồng, do vậy, công tác quản lý, chăm sóc trong khâu dinh dưỡng, theo dõi lượng thức ăn, thường xuyên quan sát màu nước, ghi chép sổ nhật ký, bà con cần sát sao, chú trọng, đặt tiêu chí phòng bệnh hơn chữa bệnh lên hàng đầu.

Tại Diễn đàn, các đại biểu đã tập trung thảo luận vào những nhóm vấn đề chính như: sản xuất con giống, chất lượng con giống và thức ăn, môi trường nuôi, vấn đề vệ sinh lồng bè và cách phòng trị bệnh, chính sách hỗ trợ nuôi cá lồng. Đặc biệt, tại Diễn đàn, chuyên gia đã trực tiếp giải phẫu và hướng dẫn cách nhận biết, biện pháp phòng trị nhiều mẫu bệnh cá do bà con nông dân mang tới. Hình thức trực quan sinh động này đã giúp bà con nông dân dễ dàng tiếp nhận thông tin.

Toàn cảnh diễn đàn

Nhằm phát triển nuôi cá lồng bè hiệu quả và bền vững trên sông và hồ chứa vùng Trung du miền núi phía Bắc. Ông Kim Văn Tiêu - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đề nghị:

- Cơ quan quản lý cần thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch trong nuôi cá lồng; tăng cường quản lý con giống và chất lượng con giống, kiểm soát tốt thức ăn, kháng sinh, hóa chất, chế phẩm sinh học và chất xử lý cải tạo môi trường. Đặc biệt cần tăng cường công tác quan trắc cảnh báo môi trường; Tổ chức lại sản xuất cho bà con nông dân theo hướng gắn kết với các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác xã theo chuỗi; Quản lý chặt chẽ chất lượng thực phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng.

- Đối với cơ quan nghiên cứu cần tiếp tục nghiên cứu các mô hình lồng mới, con giống có chất lượng, sạch bệnh, tiến tới kháng bệnh để chuyển giao cho nông dân; ứng dụng vắc xin trong phòng trị bệnh cá nuôi lồng.

- Đối với Trung tâm Khuyến nông các tỉnh: Xây dựng các mô hình khuyến nông về cá lồng, đặc biệt ở những nơi có điều kiện phù hợp phát triển để tạo công ăn việc làm, phát huy lợi thế mặt nước, góp phần đẩy nhanh công cuộc xóa đói giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới; Xây dựng các mô hình nuôi cá hữu cơ, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, an toàn môi trường và nuôi công nghệ cao; Tổ chức tập huấn, đào tạo, nhân rộng mô hình cá lồng hiệu quả, thiết thực.

- Các cơ quan thông tấn báo chí cần đẩy mạnh tuyên truyền các mô hình mới, mô hình hiệu quả để bà con nông dân biết học tập và làm theo.

- Đối với bà con nông dân: Trước khi nuôi, bà con nên tham quan, học hỏi kinh nghiệm từ các mô hình hiệu quả rồi mới áp dụng, nên nuôi từ nhỏ đến lớn. Đồng thời, phải chuẩn bị kỹ lưỡng các yêu cầu về kỹ thuật và luôn chủ động, sáng tạo, say mê trong suốt quá trình nuôi, kết hợp với ghi chép sổ nhật ký đầy đủ để rút kinh nghiệm cho vụ sau■

THU HẰNG - QUẢNG BÌNH
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

*"GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI DÊ, CỪU BỀN VỮNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU"

Các đại biểu tham quan mô hình chăn nuôi dê, cừu tại HTX Dịch vụ Tổng hợp Tân Hà, xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận

Trong hai ngày, 23 và 24/8/2018, tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Cục Chăn nuôi, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Ninh Thuận phối hợp tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp chủ đề: "Giải pháp phát triển chăn nuôi dê, cừu bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu". Bà Hạ Thúy Hạnh - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, ông Nguyễn Văn Trọng - Phó Cục trưởng Cục Chăn nuôi, ông Lê Văn Đức - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT Ninh Thuận đồng chủ trì Diễn đàn.

Diễn đàn có sự tham gia của 251 đại biểu, trong đó có 170 nông dân chăn nuôi dê, cừu đến từ 5 tỉnh: Khánh Hòa, Bình Thuận, Ninh Thuận, Đắk Nông và Trà Vinh.

Tại Diễn đàn, các đại biểu đã nghe các báo cáo của Cục Chăn nuôi, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Phân Viện chăn nuôi Nam Bộ, Trung tâm Khuyến nông Ninh Thuận, Trung tâm Chính sách và Chiến lược Nông nghiệp Nông thôn miền Nam. Qua các báo cáo cho thấy, khu vực Duyên hải miền Trung được mệnh danh là thủ phủ chăn nuôi dê, cừu của cả nước, trong đó đứng đầu là tỉnh Ninh Thuận với tổng đàn dê khoảng 138.000 con (chiếm 54% tổng đàn dê của cả nước) và tổng đàn cừu là 161.000 con (chiếm 96% đàn cừu của cả nước). Các giống cừu phổ biến hiện nay là giống cừu Phan Rang, các giống lai Dopper, Ả Rập và cừu Úc. Các giống dê là giống dê cỏ địa phương, dê Bách Thảo, dê Boer và các giống dê lai Boer - thích nghi được với điều kiện khí hậu ở hầu hết các tỉnh thành của cả nước.

Tại Diễn đàn, các đại biểu đã thảo luận những giải pháp kỹ thuật để phát triển chăn nuôi dê, cừu bền vững, bao gồm: Cần cải tạo đàn giống dê, cừu và phương thức chăn nuôi để tránh cận huyết; Cần phối hợp các cây thức ăn (cây cỏ, cây họ đậu...), tận dụng nguồn thức ăn tại chỗ, tăng chế biến thức ăn, dự trữ thức ăn thô xanh... để tăng nguồn dinh dưỡng cho dê, cừu; Áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, chủ động phòng trừ dịch bệnh, khoanh vùng tránh lây lan dịch bệnh; Chuyển dần sang chăn nuôi thâm canh, áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới, chú ý xây dựng chuồng trại để vừa chăn nuôi dê, cừu tốt, vừa thu gom phân làm phân bón cho cây trồng; Tăng cường xây dựng hợp tác xã, các tổ nhóm liên kết trong chăn nuôi, ưu tiên phát triển ngành nghề và chuỗi giá trị, nâng cao giá trị phát triển chăn nuôi dê cừu thích ứng biến đổi khí hậu.

Ban chủ tọa, ban cố vấn và các chuyên gia tại Diễn đàn đã giải đáp 57/65 câu hỏi, nội dung tập trung vào các lĩnh vực: chính sách, giống, thức ăn, thú y, dịch bệnh, xử lý môi trường, phương thức chăn nuôi, chuồng trại, giết mổ, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Kết luận Diễn đàn, TS. Hạ Thúy Hạnh - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia nhấn mạnh:

- Đối với Cục Chăn nuôi, đề xuất cho nhập một số giống dê, cừu cao sản và tăng cường công tác quản lý giống, cải tạo đàn dê, cừu địa phương, đồng thời bảo tồn giống bản địa tại các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ. Đối với Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ nói riêng và các tỉnh phát triển chăn nuôi dê cừu nói chung, cần tăng cường công tác quy hoạch chăn nuôi, quy hoạch vùng trồng cây thức ăn cho dê, cừu. Ưu tiên nguồn lực phát triển chăn nuôi, thông tin tuyên truyền về công tác thú y, hỗ trợ chăn nuôi dê, cừu.

- Đối với trung tâm khuyến nông các tỉnh cần tăng cường chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về chăn nuôi dê cừu, hỗ trợ công tác giống, phương thức chăn nuôi, xây dựng mô hình khuyến nông về chăn nuôi dê, cừu, tăng cường đào tạo huấn luyện, thông tin tuyên truyền, liên kết, kết nối doanh nghiệp trên địa bàn để hỗ trợ cho người chăn nuôi các giải pháp chăn nuôi, an toàn sinh học■

NGUYỄN NHUNG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

YÊN BÁI:
LIÊN KẾT TRONG CHĂN NUÔI GÀ - HƯỚNG ĐI MỚI HIỆU QUẢ

Dáng người mảnh khảnh nhưng hoạt bát, đôi mắt tinh anh, ánh nhìn thiện cảm và thái độ khiêm tốn là những cảm nhận đầu tiên của mọi người khi tiếp xúc với anh Hoàng Huy Tuấn ở thôn 3, thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên. Chỉ mới 32 tuổi nhưng anh đã là trưởng nhóm liên kết phát triển chăn nuôi gà với gần 100 hộ tham gia. Trung bình mỗi tháng, nhóm hộ của anh xuất bán ra thị trường khoảng 120 tấn gà, mang lại nguồn thu hơn 80 tỷ mỗi năm.

Mô hình liên kết trong nuôi gà tại thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên góp phần giải quyết tốt khâu tiêu thụ sản phẩm tại Yên Bái

Sinh ra trong một gia đình nông nghiệp, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên sau khi tốt nghiệp cấp 3 anh lựa chọn đi xuất khẩu lao động ở Malaysia. Sau 2 năm lao động vất vả ở xứ người, số tiền anh mang về cũng chẳng được bao nhiêu nên anh quyết tâm làm giàu trên mảnh đất quê mình. Sau nhiều lần lặn lội đến một số tỉnh, thành phố để tham quan, học tập các mô hình phát triển kinh tế, anh nhận thấy điều kiện của gia đình mình phù hợp với nuôi gà bán công nghiệp. Năm 2009, anh mạnh dạn bỏ vốn để đầu tư xây dựng chuồng trại nuôi khoảng 500 con gà thịt giống Minh Dư. Theo anh Tuấn, đây là giống gà có phẩm chất thịt ngon, mắn đẻ, có độ đồng đều cao, màu lông tương đối đồng nhất, ăn ít nhưng mức tăng trọng cao.

Anh nhận thấy, để gà sinh trưởng và phát triển khỏe mạnh thì ngoài việc chọn được giống gà đảm bảo chất lượng, áp dụng đúng quy trình kỹ thuật trong chăn nuôi thì khâu tiêm phòng vắc xin và tiêu độc khử trùng chuồng trại đóng vai trò quan trọng. Chính vì thế, ngay từ những lứa gà đầu tiên của anh đã cho thu lãi hơn chục triệu đồng. Cứ thế tiền lãi sau mỗi lứa gà được anh tích cóp lại để dần mở rộng quy mô chăn nuôi.

Sau thành công của vài lứa gà anh nhận thấy, để mở rộng quy mô chăn nuôi gà từ vài trăm con lên vài nghìn con không khó, nhưng để tìm được đầu ra tiêu thụ ổn định thì không phải dễ. Anh tìm hiểu các lái buôn gà ở các chợ lớn, trên mạng internet rồi liên hệ trực tiếp. Dần dần nhiều mối làm ăn thân thiết, mối quan hệ với các bạn hàng và đối tác cũng được mở rộng khi Tuấn liên kết được với các công ty phân phối thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, cơ sở cung cấp con giống uy tín ở Bình Định để lấy hàng tận gốc. Anh chia sẻ: "Để có thể tìm ra các mối tiêu thụ lượng gà lớn như hiện nay với tôi không phải là dễ, tôi đã phải tìm mọi cách để biết được các mối tiêu thụ gà lớn ở các chợ như: chợ Hà Vĩ (Thường Tín - Hà Nội), Thổ Tang (Vĩnh Phúc)... rồi tìm cách tiếp cận với họ, giới thiệu nguồn gà và khả năng cung cấp gà thịt".

Sau nhiều năm đơn thương độc mã tìm hiểu thị trường tiêu thụ và nắm bắt khả năng sản xuất thực tế ở địa phương, để có thể phát triển hơn nữa, anh Tuấn đã đứng ra thành lập nhóm chăn nuôi gà. Nhóm hoạt động trên nguyên tắc hài hòa lợi ích; công bằng, minh bạch, các thành viên trong nhóm cùng có trách nhiệm trong việc chia sẻ kinh nghiệm, truyền đạt kỹ thuật theo phương ☞

thức hộ làm tốt, làm trước phổ biến hướng dẫn cho những hộ mới, hộ làm sau. Tham gia vào nhóm các thành viên sẽ được hỗ trợ cho vay vốn để đầu tư, chia sẻ kỹ thuật chăn nuôi và giúp nhau tiêu thụ sản phẩm.

Việc lựa chọn các thành viên tham gia nhóm nuôi gà trên tinh thần tự nguyện nhưng không dễ dãi mà phải là những người thực sự tâm huyết với nghề. Theo anh Tuấn: "Làm kinh tế không thể theo phong trào, nhất là chăn nuôi, sự liên kết giữa các hộ trong chăn nuôi sẽ là thế mạnh để các hộ cùng hỗ trợ nhau phát triển, đặc biệt là tiêu thụ sản phẩm. Việc các thành viên trong nhóm chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ nhau trong quá trình sản xuất sẽ góp phần giảm thiểu rủi ro trong chăn nuôi, các hộ nuôi nhỏ lẻ sẽ không thể có tiếng nói trọng lượng trong đàm phán, thương lượng nếu không có sản phẩm tốt, số lượng đủ lớn đáp ứng nhu cầu của đối tác cũng như thị trường".

Đến nay, nhóm cùng sở thích chăn nuôi gà do anh Tuấn làm trưởng nhóm có hơn 90 thành viên, chủ yếu ở địa bàn các xã của huyện Trấn Yên, Văn Yên và thành phố Yên Bái. Quy mô chăn nuôi của các hộ trung bình khoảng 3.000 - 5.000 con/lứa, có những hộ có quy mô lên đến 10.000 con/lứa. Để đảm bảo các hộ chăn nuôi có hiệu quả và điều tiết ổn định đầu ra, anh Tuấn đứng ra tổ chức, lập kế hoạch cung cấp đầu vào từ con giống, thức ăn, thuốc thú y, vật tư và tìm đầu ra cho sản phẩm, tạo thành chuỗi liên kết chăn nuôi có hiệu quả. Trung bình mỗi tháng nhóm nuôi gà của anh xuất bán ra thị trường khoảng 120 tấn gà, với giá bán khoảng 60.000 đồng/kg đã đem lại nguồn thu hơn 7 tỷ đồng.

Anh Nguyễn Tiến Sơn ở thôn 8, xã Minh Quán, huyện Trấn Yên, một trong những thành viên của nhóm. Năm 2011, anh bắt đầu nuôi 300 con gà Minh Dư với mong muốn cải thiện cho kinh tế gia đình, đỡ phí đất bỏ không và dùng phân gà trồng cây ăn quả. Qua sự động viên và hướng dẫn của anh Tuấn, anh Sơn đã mạnh dạn mở rộng quy mô chăn nuôi. Đến nay, anh Sơn đã có một hệ thống 3 chuồng nuôi gà được xây dựng một cách khoa học, mỗi chuồng rộng khoảng hơn 400 m^2, mỗi lứa anh nuôi khoảng 7.000 con, mỗi năm 3 lứa, sau khi trừ đi chi phí cũng cho thu lãi hơn 600 triệu đồng. Anh Sơn tâm sự: "Liên kết trong phát triển chăn nuôi gà không phải là không có rủi ro, vì nếu có dịch bệnh thì độ phát tán nhanh, khó kiểm soát hơn so với chăn nuôi nhỏ lẻ. Tuy nhiên, khi liên kết phát triển chăn nuôi theo nhóm, đàn gà các hộ nhập chuồng lệch nhau về thời gian nên các thành viên có thể hỗ trợ nhau trong sản xuất như tiêm phòng, nhỏ vắc xin,… và tuần nào cũng có gà thịt đủ yêu cầu để xuất bán, đặc biệt là không phải lo tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm".

Có thể nói, thành công của mô hình liên kết tự nguyện nhóm hộ trong phát triển chăn nuôi mà Hoàng Huy Tuấn là người khởi xướng là hướng đi đúng của sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn hiện nay, giúp giải quyết được những hạn chế trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là khâu tiêu thụ sản phẩm. Từ những kết quả đã đạt được và những mục tiêu trong năm 2018, anh Tuấn cùng các thành viên trong nhóm nuôi gà sẽ chuẩn bị các thủ tục để thành lập hợp tác xã, đăng ký chăn nuôi an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, tiến tới xây dựng thương hiệu cho sản phẩm gà Yên Bái■

NGUYỄN THỊ MINH PHƯỢNG
Trung tâm Khuyến nông tỉnh Yên Bái

Những năm gần đây, ngư dân xã Cát Khánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định đã thành lập các tổ tàu thuyền đoàn kết đánh bắt trên biển nhằm hỗ trợ nhau trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ cũng như góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Qua một thời gian hoạt động, các tổ đoàn kết tàu thuyền cho thấy hiệu quả rõ rệt trong việc đánh bắt cũng như vai trò bảo vệ chủ quyền biển đảo quê hương.

Tính đến thời điểm này, xã Cát Khánh có 39 tổ tàu thuyền đoàn kết trên biển (TĐKTB) với 143 tàu và 2.016 lao động. Theo báo cáo của Ủy ban Nhân dân xã Cát Khánh, 39 TĐKTB này ở cùng một địa bàn; nên sự đoàn kết nội bộ rất tốt. Vì vậy khi đi đánh bắt trên biển hay lúc vào đất liền, mỗi khi thành viên trong tổ gặp khó khăn, hoạn nạn họ đều tương trợ, giúp đỡ nhau. Ngoài số lượng tàu tham gia vào TĐKTB, xã Cát Khánh còn có trên 388 chiếc tàu chuyên đánh bắt xa bờ (có 09 tàu vỏ sắt theo NĐ 67/CP). Trong đó có trên 180 tàu có công suất lớn tham gia đánh bắt ở các ngư trường như: Quảng Bình, Thanh Hóa, Quảng Ninh, Khánh Hoà, Vũng tàu, Trường Sa, Hoàng Sa….

Nhờ vậy, sản lượng khai thác, đánh bắt hàng năm đạt trên 15.000 tấn hải sản các loại, chiếm 67% sản lượng đánh bắt của toàn huyện. Với lợi thế là xã ven biển của huyện Phù Cát, diện tích đất nông nghiệp ít ỏi, Đảng bộ và Chính quyền địa phương xác định kinh tế biển là mũi nhọn, nên đã tập trung phát triển kinh tế biển. Đây là chủ trương đúng, tạo động lực chính góp phần xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

Uỷ ban Nhân dân xã Cát Khánh đã tích cực phối hợp với các ngành, các cấp và Đồn biên phòng Đề Gi, thường xuyên tuyên truyền, giáo dục cho ngư dân nhận thức và nắm bắt về phạm vi vùng lãnh hải mà tàu được phép hoạt động trên biển, nên không để xảy ra trường hợp vi phạm.

HIỆU QUẢ TỔ TÀU THUYỀN ĐOÀN KẾT TRÊN BIỂN TẠI XÃ CÁT KHÁNH

Xã đã thành lập đội tàu tình nguyện xung kích cứu hộ khi có nhu cầu gồm 11 tàu có công suất lớn, các tàu này đều sẵn sàng khi được điều động. Việc hình thành những tổ - đội đoàn kết khai thác đánh bắt hải sản của ngư dân là động lực lớn để thúc đẩy việc khai thác có hiệu quả tiềm năng kinh tế biển và góp phần giữ vững chủ quyền an ninh biển đảo. Từ khi tham gia các tổ đội đoàn kết trên biển, các thành viên đều làm ăn khấm khá hơn do tiết kiệm được chi phí. Đặc biệt, các tàu thuyền có thời gian bám biển dài ngày. Bà con ngư dân luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, khi phát hiện tàu thuyền lạ của nước ngoài xâm phạm lãnh hải Việt Nam sẽ kịp thời báo cáo cho bộ đội biên phòng, cảnh sát biển và lực lượng hải quân có biện pháp xử lý.

Trên địa bàn xã ngày càng có nhiều ngư dân sản xuất, kinh doanh giỏi với mức thu nhập hàng năm từ 200 - 400 triệu đồng. Điển hình như ông Nguyễn Đức Hậu ở thôn An Quang Tây, xã Cát Khánh là một trong những ngư dân có nhiều kinh nghiệm về đánh bắt xa bờ đạt hiệu quả kinh tế cao. Với một chiếc tàu có công suất lớn gồm có 16 lao động, năm 2017, ông Hậu thu về trên 400 triệu đồng từ khai thác hải sản xa bờ, bình quân thu nhập của mỗi lao động trên tàu từ 8 đến 10 triệu đồng/tháng. Về an ninh trên biển, ông Nguyễn Đức Hậu khẳng định: "Tổ đoàn kết trên biển có mấy cái thuận lợi làm ăn. Thứ nhất, khi gặp cơn giông tố hỗ trợ điều kiện, phương tiện đánh bắt, dầu, mỡ lẫn nhau, thuận lợi về mặt an ninh trật tự, nhất là tình hình ở Trường Sa - Hoàng Sa. Chúng tôi thành lập tổ đoàn kết thấy rất hiệu quả. Đề nghị, nhà nước hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ tàu thuyền hoạt động tốt hơn nữa".

Kinh tế biển phát triển kéo theo các dịch vụ hậu cần nghề cá cũng phát triển. Trên địa bàn xã Cát Khánh hiện có trên 100 cơ sở thu mua, chế biến hải sản, sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, kinh doanh xăng dầu… giải quyết cho 10.000 lao động tại địa phương, góp phần nâng mức thu nhập bình quân của toàn xã từ 28,4 triệu đồng/người vào năm 2015 lên 30,5 triệu đồng vào năm 2017.

Chính nhờ sự hoạt động tích cực của các tổ - đội đoàn kết trên biển, ngư dân xã Cát Khánh đã mạnh dạn đầu tư đóng tàu lớn, nhằm hỗ trợ đánh bắt, khai thác trên biển. Đồng thời, tích cực tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo, mỗi con tàu vươn ra khơi xa như là một cột mốc biên giới, để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo quê hương. Bởi vì, biển không chỉ là nhà, là "cơm áo gạo tiền" mà là cuộc sống của ngư dân.

Ông Đinh Thành Tiến - Chủ tịch ủy ban nhân dân xã Cát Khánh cho biết: "Xã đã phối hợp với Đồn biên phòng Đề Gi tăng cường công tác tuyên truyền về biển đảo. Theo đó đã phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân; đồng thời, vận động thành lập và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ - đội đoàn kết; giúp cho ngư dân an tâm bám biển ra khơi và tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc"■

THẾ HÀ
Đài Truyền thanh huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định

PHÁT HUY VAI TRÒ ĐỘI NGŨ KHUYẾN NÔNG VIÊN CƠ SỞ TẠI HÒA BÌNH

Vượt lên những khó khăn, hạn chế của một tỉnh miền núi, những năm gần đây, đội ngũ khuyến nông viên cơ sở trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đã từng bước khẳng định được vai trò; thường xuyên gắn bó cùng bà con nông dân để triển khai các mô hình, ứng dụng tiến bộ khoa học vào phát triển sản xuất…

Cán bộ kỹ thuật kiểm tra, đánh giá kết quả mô hình nuôi cá trên hồ Hòa Bình tại xã Hiền Lương, huyện Đà Bắc

Trong những năm qua, hệ thống khuyến nông Hòa Bình nói chung và đội ngũ khuyến nông viên cơ sở nói riêng đã luôn bám sát định hướng phát triển kinh tế của địa phương theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Các hoạt động chuyên môn được triển khai một cách chủ động, đa dạng và có hiệu quả. Phát huy vai trò của đội ngũ khuyến nông viên cơ sở, công tác tập huấn, chuyển giao kỹ thuật đã có bước chuyển biến sát với thực tế sản xuất tại địa phương. Theo đó, trước khi triển khai các chương trình, dự án khuyến nông, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Hòa Bình chủ động phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, các viện, các cơ quan nghiên cứu để tổ chức tập huấn cho lực lượng cán bộ khuyến nông, khuyến nông viên cơ sở.

Từ năm 2015 đến nay, bình quân hàng năm Trung tâm thực hiện được khoảng 200 mô hình trình diễn kỹ thuật với sự tham gia của hàng nghìn nông dân. Đóng góp vào kết quả chung đó, có phần không nhỏ của đội ngũ khuyến nông viên cơ sở trong công tác bắm nắm địa bàn; nắm bắt thực tế tình hình sản xuất; tuyên truyền, vận động người dân tham gia thực hiện các mô hình khuyến nông.

Hiện nay toàn tỉnh Hòa Bình đã củng cố, xây dựng đội ngũ khuyến nông viên cơ sở với trên 600 người, trong đó có 210 khuyến nông viên; trên 200 cộng tác viên khuyến nông tại các thôn, bản và hơn 200 cán bộ thú y cơ sở.... Đây chính là đội ngũ nòng cốt trong hoạt động khuyến nông ở cơ sở, được giới thiệu, xem xét tuyển chọn khá kỹ nhằm phù hợp với điều kiện làm việc của mỗi địa phương. Chị Quách Thị Hương ở xã Mai Hạ, huyện Mai Châu là một trong những khuyến nông viên năng nổ, nhiệt tình trong việc đưa tiến bộ kỹ thuật đến với nông dân. Với kinh nghiệm nhiều năm công tác, chị đã tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền địa phương triển khai các chương trình khuyến nông đạt nhiều kết quả. Điển hình là chương trình đưa lúa lai, ngô lai vào sản xuất đã giúp nông dân nâng cao năng suất, tăng thu nhập vượt trội so với trước đó. Để chuyển giao kỹ thuật, đưa giống mới đến với nông dân, chị đã xuống từng cánh đồng, đến tận hộ dân để trực tiếp ngâm mạ, gieo sạ và cấy lúa cùng với bà con ở các bản khó khăn. Chị Hương chia sẻ: Năng suất và hiệu quả kinh tế cây lúa lai, cây ngô lai của nông dân trong xã đã tăng hơn 40% so với cách làm cũ. Sau vài vụ đầu tiên, hiệu quả sản xuất được khẳng định, nông dân thêm tin tưởng vào công tác khuyến nông, tin vào đội ngũ khuyến nông viên cơ sở và tích cực mở rộng diện tích sản xuất.

Đặc biệt, không chỉ chuyển giao kỹ thuật đến với nông dân, các khuyến nông viên cơ sở còn trực tiếp thực hiện mô hình khảo nghiệm tại gia đình mình để người dân thấy, tin tưởng làm theo. Là cộng tác viên khuyến nông xóm Mít, xã Đồng Tâm, huyện Lạc Thủy, sau khi được đi tham quan và tập huấn về các mô hình chăn nuôi có hiệu quả do Trạm Khuyến nông huyện tổ chức, nhận thấy mô hình nuôi gà thả vườn phù hợp với điều kiện diện tích đất vườn các hộ dân trong xóm, anh Bùi Văn Phúc đã mạnh dạn đầu tư mô hình nuôi gà dưới tán rừng trồng. Bình quân một năm, anh Phúc nuôi 6 - 7 lứa gà, mỗi lứa thả nuôi trên 1.000 con, cung cấp ra thị trường hơn 10 tấn gà thịt thu về hàng trăm triệu đồng. Theo anh Phúc, hiện tại, nhiều hộ dân

trong xã đến học tập mô hình và bắt đầu nuôi thí điểm từ 200 - 300 con, bước đầu đã mang lại kết quả tốt.

Tuy nhiên, cũng như nhiều địa phương miền núi khác, hiện phần lớn cán bộ là công tác khuyến nông cơ sở ở Hòa Bình chưa được đào tạo chính quy về chuyên ngành nhất là về công tác khuyến ngư nên năng lực còn chưa thực sự đáp ứng nhu cầu của người sản xuất. Trong khi đó, Hòa Bình lại đang là địa bàn có những hoạt động sản xuất nông nghiệp, thủy sản khá đa dạng. Mặt khác, đặc điểm địa bàn rộng, lực lượng mỏng; khối lượng công việc nhiều; cơ chế đãi ngộ chưa thực sự thỏa đáng, phụ cấp thấp… cũng là những nguyên nhân hạn chế phần nào hiệu quả hoạt động của đội ngũ khuyến nông viên cơ sở ở Hòa Bình.

Theo ông Nguyễn Hồng Tuấn, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh Hòa Bình, thời gian qua, đội ngũ khuyến nông viên cơ sở trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đã đồng hành cùng nông dân để chuyển đổi những giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên mang lại giá trị kinh tế cao; giúp tăng thu nhập cho người sản xuất… Đồng thời, việc kiện toàn mạng lưới khuyến nông viên cơ sở cũng góp phần mang lại thành công trong quá trình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất, giá trị sản phẩm nông nghiệp của nông dân cũng như đẩy nhanh việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong tỉnh… Phát huy kết quả đó, thời gian tới, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Hòa Bình sẽ tăng cường bồi dưỡng, đào tạo để mỗi khuyến nông viên cơ sở thực sự là một địa chỉ đồng hành của nhà nông trong việc tư vấn, hướng dẫn, dự báo, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất■

TẠ QUANG ĐẠO
Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam

XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO THEO HƯỚNG THÔNG MINH

Huyện Đơn Dương nằm ở phía đông của tỉnh Lâm Đồng, toàn huyện có 10 đơn vị hành chính, bao gồm 8 xã và 2 thị trấn. Dân số toàn huyện là 105.740 người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số là 32.121 người, chiếm tỉ lệ 30%. Năm 2010, khi bắt đầu triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới, trên địa bàn huyện, xã đạt cao nhất là 9 tiêu chí, thấp nhất là 2 tiêu chí và bình quân đạt 4,7 tiêu chí/xã, giá trị sản xuất đạt 75 triệu đồng/ha/năm, thu nhập bình quân đạt 17,6 triệu đồng/người/năm. Qua thời gian thực hiện, diện mạo nông thôn trên địa bàn toàn huyện có nhiều khởi sắc, kết cấu hạ tầng được nâng cao, sản xuất phát triển nhanh, đời sống vật chất và tinh thần nhân dân được nâng lên rõ rệt. Cuối năm 2017, giá trị sản xuất đạt trên 200 triệu đồng/ha/năm, thu nhập bình quân đạt 58,02 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện còn 3,01%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn 6,34%.

Là một huyện có tỷ trọng nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao, huyện xác định phát triển sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ quan trọng để xây dựng nông thôn mới, trong đó sản xuất theo hướng nông nghiệp công nghệ cao được xác định là một trong năm chương trình trọng tâm của huyện. Năm 2010 diện tích rau hoa ứng dụng công nghệ cao chiếm 30% trong tổng diện tích đất canh tác rau. Đến nay, diện tích sản xuất rau, hoa ứng dụng công nghệ cao chiếm tỷ lệ 85% diện tích đất sản xuất rau, hoa; năng suất rau thương phẩm trung bình đạt trên 336 tạ/ha. Sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại huyện Đơn Dương bước đầu được triển khai nhưng quy mô nhỏ lẻ, rải rác ở một số hộ. Hiện nay, toàn huyện có 67 tổ chức, cá nhân được giấy chứng nhận VietGAP với diện tích trên 300 ha.

Đàn bò sữa phát triển theo quy mô tăng đàn, nâng cao chất lượng đàn, mở rộng địa bàn chăn nuôi và đối tượng chăn nuôi. Hiện toàn huyện có 12.390 con bò sữa với sản lượng sữa bình quân trên 80 tấn/ngày. Trang trại Vinamilk Organic Đà Lạt của Công ty Cổ phần sữa Việt Nam với quy mô 70ha và 500 con bò sữa.

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; khai thác được tiềm năng, thế mạnh của địa phương; tạo cơ sở để nông dân và doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới; qua đó đã nâng cao thu nhập, huy động được sức dân, góp phần quan trọng đẩy nhanh quá trình thực hiện các mục tiêu chương trình xây dựng nông thôn mới. Trong giai đoạn hiện nay, để nền nông nghiệp phát triển bền vững, việc phát triển nông nghiệp hữu cơ, ☞

Mô hình trồng dưa leo baby trên giá thể tại huyện Đơn Dương

☞ sử dụng công nghệ cao nhằm đưa ra thị trường các sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn cho người tiêu dùng là một đòi hỏi khắt khe và cũng đang là một xu thế tiêu dùng mới.

Sau khi được Chính phủ công nhận huyện nông thôn mới, huyện Đơn Dương xây dựng và thực hiện đề án giữ vững và nâng cao chất lượng huyện nông thôn mới Đơn Dương giai đoạn 2016 - 2020 có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; nông nghiệp phát triển theo hướng công nghệ cao, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; giàu bản sắc dân tộc; đời sống văn hóa, trình độ dân trí được nâng cao; môi trường sinh thái được bảo vệ, diện mạo của nông thôn khang trang, sạch đẹp; hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường, an ninh trật tự xã hội được giữ vững.

Giai đoạn 2018 - 2020, huyện Đơn Dương vinh dự được Chính phủ lựa chọn làm mô hình điểm để xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp công nghệ cao theo hướng thông minh. Hiện nay, huyện đang tập trung xây dựng đề án theo nội dung trên, một số chỉ tiêu chính được đặt ra đến năm 2020 là: Giá trị sản xuất trên 1ha canh tác đạt trên 220 triệu đồng/ha; Thu nhập bình quân đầu người là 75 triệu đồng/người/năm; Tỷ lệ hộ nghèo dưới 1,12%; Cơ bản diện tích sản xuất rau, hoa ứng dụng công nghệ cao.

Để đạt được mục tiêu đó, một số nhiệm vụ và giải pháp được đặt ra, đó là:

- Xây dựng và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao theo hướng thông minh trên cây rau, hoa và chăn nuôi bò sữa.

- Tổ chức sản xuất nông nghiệp thông minh và nông nghiệp hữu cơ theo hướng hiện đại, bền vững.

- Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tiếp tục phát triển nông nghiệp công nghệ cao hướng tới nông nghiệp thông minh, hình thành và phát triển các chuỗi giá trị.

- Củng cố, phát triển kinh tế hợp tác, phát triển doanh nghiệp, liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm, chú trọng việc xây dựng, sử dụng nhãn hiệu hàng hóa và chỉ dẫn địa lý đối với các loại sản phẩm đặc trưng của huyện.

- Tăng cường chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ.

- Phát triển đàn bò sữa theo hướng tăng quy mô đàn, nâng cao chất lượng sữa. Xây dựng và nhân rộng các mô hình chăn nuôi bò sữa điển hình. Tăng cường cơ giới hóa, hiện đại hóa các khâu trong chăn nuôi.

- Xây dựng các mô hình nông nghiệp phục vụ du lịch canh nông.

- Nâng cấp hệ thống giao thông nội đồng vùng sản xuất. Nâng cấp hệ thống thủy lợi như: hồ, đập, kênh tưới. Nâng cấp hệ thống điện phục vụ sản xuất. Đầu tư các cơ sở bảo quản chế biến nông sản sau thu hoạch.

- Có cơ chế chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thông minh, đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh■

LÊ THỊ BÉ
Phòng Nông nghiệp và PTNT Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng

NGƯỜI PHỤ NỮ DÂN TỘC THÁI LÀM KINH TẾ GIỎI

Những năm gần đây, tại xã Đắk R'Măng, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông đã xuất hiện một số mô hình phát triển kinh tế làm ăn hiệu quả, nhiều tấm gương nông dân năng động, dám nghĩ, dám làm, cần cù, sáng tạo, từng bước vươn lên làm giàu chính đáng bằng đôi tay, khối óc của mình. Chị Vi Thị Thanh ở thôn 2, xã Đắk R'Măng là một trong những nông dân như thế.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo ở huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa, lập gia đình nhưng kinh tế khó khăn, cái đói nghèo vẫn cứ mãi đeo bám gia đình nhỏ bé của chị. Trong hoàn cảnh đó, vợ chồng chị Thanh đã quyết định vào Đắk Nông lập nghiệp và dừng chân tại xã Đắk R'Măng- nơi đất rộng người thưa với nhiều tiềm năng phát triển kinh tế. Với mong muốn thoát nghèo mạnh mẽ, chị Thanh đã đổi mới cách làm ăn, kết hợp giữa chăn nuôi và trồng trọt để tận dụng lợi thế về khí hậu, thổ nhưỡng địa phương.

Theo đó, năm 2012 ngoài đầu tư phát triển cà phê, chị đã phát triển chăn nuôi gà thịt và gà đẻ trứng từ ít ỏi gà giống mua được ban đầu. Vốn là người năng động, ham học hỏi, chị đã tìm hiểu về giống gà Qúy Phi. Chị lặn lội ra trang trại nuôi gà Qúy Phi ngoài Bắc để tìm hiểu, học tập kinh nghiệm và mua giống về nuôi. Sau 5 năm nhân giống và phát triển, gia đình chị đã xây dựng được các khu trại chăn nuôi gà thịt và gà đẻ trứng riêng biệt để cung cấp đầu ra ổn định cho thị trường tiêu thụ. Hiện nay, gia đình chị có hơn 1.200 gà mái đẻ trứng và hàng năm xuất bán hơn 1.000 gà thịt. Với giá bán là 120.000 đồng/kg, sau khi trừ hết chi phí cũng thu lãi hơn 270 triệu đồng.

Theo chị Thanh, gà Qúy Phi rất dễ nuôi, thích nghi tốt với điều kiện khí hậu vùng, cách nuôi đơn giản, có thể thả hoặc nhốt chuồng. Chị chăn nuôi theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học để tạo nên sản phẩm sạch, an toàn cho người dùng. Trước đây chị nuôi gà thả vườn kết hợp nhốt, chuồng có sử dụng đệm lót sinh học nhưng chỉ phù hợp với gà thịt còn gà đẻ trứng có nhiều bất cập vì vậy chị lên mạng tìm hiểu về hệ thống chuồng trại chăn nuôi gà đẻ trứng và đặt mua về tự lắp đặt để tiết kiệm chi phí đầu tư. Hệ thống nuôi gà bán tự động với diện tích chuồng trại 200 m^2, có máng ăn, máng uống nước tự động, thoáng mát vào mùa hè nhưng ấm, kín gió vào mùa đông và được vệ sinh hàng ngày.

Chị Vi Thị Thanh đang chăm sóc đàn gà của gia đình

Không những vậy, chị còn đầu tư mua thêm máy chế biến thức ăn đa năng, để chế biến thức ăn phong phú, đa dạng cho đàn gà. Theo lời chị chia sẻ: "Nuôi gà để đảm bảo an toàn, sạch đúng nghĩa vất vả và tỷ mỉ chẳng khác gì chăm một đứa trẻ. Hàng ngày tôi phải quan sát chúng, chế độ ăn uống cũng được quan tâm, thức ăn cũng được thay đổi thường xuyên để gà không chán hay thiếu chất. Chị không cho gà ăn cám công nghiệp mà thức ăn chính là ngô, lúa, cám, rau cỏ, đậu và bổ sung thêm khoáng chất. Thức ăn được chị ủ với men vi sinh nhằm kích thích tiêu hóa, ổn định vi sinh vật, hạn chế một số bệnh về đường ruột và hô hấp nên gà hấp thụ chất dinh dưỡng tốt hơn. Theo chị Thanh khi sử dụng men ủ với thức ăn, tỷ lệ sống của gà đạt trên 95%, có khi đạt 100%.

Ngoài ra, chị còn tìm hiểu và tiến hành ủ mầm thóc và đậu cho gà đẻ, cách làm này mất nhiều thời gian, tốn công nhưng đổi lại đàn gà của chị lại có nguồn thức ăn giàu dinh dưỡng. Không dừng lại ở đó, chị luôn làm tốt công tác phòng bệnh cho gà, ngoài việc tiêm phòng theo quy trình, chị không ngần ngại tìm các bài thuốc dân gian để phòng bệnh cho gà, nhất là sử dụng rượu tỏi. Chị tự mình nấu rượu và mua tỏi về để ngâm rượu, một tuần chị cho gà uống nước rượu tỏi 2 - 3 lần, còn bã cho vào máy nghiền nhỏ và trộn cùng thức ăn cho gà. Nhờ vậy mà đàn gà của chị luôn khỏe mạnh, tạo nên sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng. Hiện tại, ngoài gà Quý phi, chị còn nuôi thêm gà Ai Cập và gà Ri vàng rơm. Không dừng lại ở đó chị đang xây dựng thêm chuồng trại để chăn nuôi lợn sạch và liên kết với hợp tác xã sản xuất rau hữu cơ để cùng giúp nhau phát triển kinh tế, làm giàu chính đáng■

NGUYỄN THỊ THẮM
Trung tâm Khuyến nông tỉnh Đắk Nông

THÁI NGUYÊN: HIỆU QUẢ BƯỚC ĐẦU TỪ MÔ HÌNH NUÔI ĐÀ ĐIỂU

Anh Trần Quang Ích bên đàn đà điểu của Hợp tác xã

Nhận thấy đà điểu là đối tượng dễ nuôi, mang lại hiệu quả kinh tế cao, nên anh Trần Quang Ích ở xóm Hòa Tiến 2, xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã mạnh dạn đầu tư mô hình nuôi đà điểu. Bước đầu mô hình đã mang lại hiệu quả khả quan, mở ra một hướng đi mới trong phát triển kinh tế.

Năm 2016, anh Ích về tận Trạm Nghiên cứu Chăn nuôi đà điểu Ba Vì để học hỏi kinh nghiệm nuôi đà điểu. Nhận thấy đây là vật nuôi có tiềm năng, phù hợp với điều kiện đất đai của gia đình, anh đã cải tạo trang trại để chuẩn bị nuôi loài chim này. Tháng 5/2016, anh đã mua 100 con đà điểu giống 01 tháng tuổi từ Trạm nghiên cứu chăn nuôi đà điểu Ba Vì về nuôi thử. Trong quá trình triển khai, anh tuân theo mọi hướng dẫn kỹ thuật từ xây dựng chuồng trại đến quá trình chăm sóc, quản lý. Khi đà điểu được 03 tháng tuổi, anh chọn lọc và loại thải 10 con không đảm bảo tiêu chuẩn để chuyển sang nuôi thịt. Năm 2017, anh tiếp tục nhập 10 con đà điểu giống về nuôi và giao cho một số hộ tại địa phương nuôi thịt.

Anh Ích cho biết, đà điểu dễ nuôi lớn nhanh, ít dịch bệnh; thức ăn chủ yếu cỏ, lá cây, hạt ngũ cốc… đây là những loại thức ăn sẵn có, dễ trồng, dễ mua tại địa phương… gia đình anh đã trồng được trên 4.000 m^2 cỏ voi và cỏ VA06 để chủ động cung cấp thức ăn cho đà điểu. Đà điểu rất thích chạy, anh chia sân làm 8 dãy có chiều dài từ 80 - 100 m; sân được dải cát vì đà điểu có nguồn gốc từ sa mạc thường xuyên tắm cát giúp làm sạch cơ thể.

Đà điểu nuôi thịt khoảng 11 tháng đạt khối lượng trên 100 kg. Hiện nay, đà điểu có giá 90.000 - 110.000 đồng/kg hơi, 250.000 - 270.000 đồng/kg thịt; với mỗi con đà điểu nếu bán hơi người chăn nuôi lãi khoảng 4 triệu đồng, bán thịt sẽ lãi 5 triệu đồng. Nhu cầu sử dụng thịt đà điểu làm thực phẩm của người dân hiện nay rất lớn, vì vậy, trong 2 năm 2016 và 2017, mỗi năm anh thu lãi gần 50 triệu đồng từ nuôi đà điểu thương phẩm.

Với phương châm lấy ngắn nuôi dài, khi có nguồn thu từ làm chè, nuôi cá và nuôi đà điểu thương phẩm, anh tập trung phát triển đà điểu sinh sản để cung cấp con giống cho các hộ chăn nuôi tại địa phương và để nuôi thương phẩm. Khi đà điểu được 2 năm tuổi sẽ bắt đầu đẻ trứng, anh đang chuẩn bị mua máy ấp trứng để sản xuất con giống.

Không chỉ chăm lo phát triển kinh tế gia đình, anh còn luôn sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ các hộ dân trong xã về kinh nghiệm về chăn nuôi đà điểu. Với cương vị là Bí thư Chi đoàn xóm Hòa Tiến 2, năm 2017 anh Ích mạnh dạn vận động 10 đoàn viên thanh niên trong xã cùng sở thích chăn nuôi thành lập Hợp tác xã Song Mã (HTX), có vốn điều lệ là 4 tỷ đồng để tương trợ lẫn nhau trong sản xuất.

Năm 2018, Hợp tác xã tiếp tục chọn lọc đàn đà điểu đạt tiêu chuẩn đưa vào nuôi sinh sản và sẽ nhập tiếp 100 con đà điểu giống từ Trạm Nghiên cứu chăn nuôi đà điểu Ba Vì; đồng thời chuyển giao kỹ thuật nuôi đà điểu thịt thương phẩm tới các xã viên. Trang trại gia đình anh Ích sẽ là trung tâm với quy mô 120 - 150 đà điểu bố mẹ; ngoài ra còn chăn nuôi hươu, lợn rừng, gà, vịt và nuôi cá… HTX sẽ hướng dẫn kỹ thuật, cung cấp con giống, thức ăn, thuốc thú y tới các xã viên và bao tiêu đầu ra.

Thời gian tới, HTX có kế hoạch thành lập các cửa hàng bán thực phẩm sạch tại huyện Đại Từ, thành phố Thái Nguyên để tiêu thụ sản phẩm. Ngoài ra, còn chủ động liên hệ với một số nhà hàng, nhà máy chế biến thực phẩm đông lạnh trong và ngoài tỉnh để tạo thành chuỗi cung cấp sản phẩm sạch, chất lượng ra thị trường, hướng tới xuất khẩu■

DƯƠNG TRUNG KIÊN
Trung tâm Khuyến nông Thái Nguyên

CHUYỂN ĐỔI CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT VƯỜN ĐỒI THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Phát triển cây cam đang là hướng đi hiệu quả trên đất vườn đồi của xã Trường Thủy

Thực hiện kế hoạch chuyển đổi cây trồng trên đất vườn đồi, từ năm 2014 đến nay, xã Trường Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình đã khuyến khích người dân chuyển đổi diện tích đất trồng cây keo lai, đất vườn tạp kém hiệu qủa sang trồng một số loại cây như cam, bưởi, thanh long ruột đỏ, cây dược liệu… bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế cao và từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu.

Năm 2015, chàng thanh niên trẻ Đỗ Tiến Tình, sinh năm 1991 trú tại xóm Ráng, thôn Hương Thủy, xã Trường Thủy bắt đầu trồng thử nghiệm 300 trụ cây thanh long ruột đỏ trên diện tích 5 sào đất vườn đồi của gia đình. Vừa mày mò chăm sóc, vừa đúc rút kinh nghiệm, hiện vườn thanh long ruột đỏ của anh Tình đã cho thu hoạch với sản lượng khoảng 50kg/cây/năm. Với giá bán từ 25.000 đồng/kg tại vườn, trung bình, mỗi gốc thanh long cho thu nhập từ 1-1,3 triệu đồng/năm; tổng thu nhập từ 300 gốc thanh long khoảng 350 triệu đồng/năm.

Theo anh Tình, cây thanh long ruột đỏ khá phù hợp với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng của xã Trường Thủy, nếu được chăm sóc đúng kỹ thuật có thể cho thu hoạch thường xuyên, mang lại giá trị kinh tế cao so với một số loại cây trồng khác. Đây cũng được xem là hướng đi mới cho bà con nông dân trong xã trong việc lựa chọn đối tượng phù hợp để chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

Gia đình anh Võ Văn Nam ở thôn Lục Sơn lại chuyển đổi diện tích trồng keo lai sang trồng cam mật Hiền Ninh, cam chanh Hà Tĩnh, bưởi da xanh. Anh Nam chia sẻ: Gia đình anh có khoảng 3ha đất vườn đồi, trước đây chủ yếu trồng keo lai và cao su. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch vụ keo lai đầu tiên thì nhận thấy loại cây này hiệu quả kinh tế không như mong muốn, ngoài ra còn gây ra một số tác động tiêu cực khiến đất dễ bị xói mòn khi mưa lớn, nhanh thoái hóa, bạc màu. Năm 2014, gia đình đã mạnh dạn trồng thử nghiệm khoảng 100 gốc cây cam mật Hiền Ninh, sau hơn 3 năm chăm sóc cây đã cho thu hoạch, với giá bán tại vườn khoảng 25.000 - 30.000 đồng/kg, mỗi năm gia đình thu lãi gần 50 triệu đồng. Nhận thấy hiệu quả kinh tế do cây cam mang lại, cuối năm 2017, gia đình anh đã mạnh dạn chuyển đổi toàn bộ 2ha diện tích keo lai sang trồng 100 gốc bưởi da xanh, 850 gốc cây cam mật bản địa và cam chanh Hà Tĩnh. Hiện tại, diện tích bưởi và cam đang sinh trưởng và phát triển tốt, hứa hẹn mang lại nguồn thu đáng kể cho gia đình. Ngoài ra, anh Nam đang trồng thử nghiệm một số loại cây trồng như bơ, mít Thái, thanh long ruột đỏ… để đánh giá hiệu quả nhằm có cơ sở chuyển đổi trong thời gian tới.

Mô hình trồng thanh long ruột đỏ anh Đỗ Tiến Tình và trồng bưởi, cam của anh Võ Văn Nam chỉ là hai trong rất nhiều mô hình chuyển đổi cây trồng trên đất vườn đồi tại xã Trường Thủy được đánh giá mang lại hiệu quả kinh tế cao. Theo ông Nguyễn Thanh Quyết, Phó Chủ tịch UBND xã Trường Thủy: Địa phương hiện có khoảng 1.200 ha đất gò đồi, chiếm 50% diện tích đất tự nhiên của toàn xã. Từ năm 2011, Đảng uỷ xã đã có nghị quyết về phát triển kinh tế vùng gò đồi, trong đó tập trung phát triển trồng rừng và chăn nuôi, bước đầu đạt được một số kết quả nhất định. Hiện tại, bên cạnh diện tích cao su và rừng nguyên liệu đang khai thác có hiệu quả, xã tập trung khuyến khích các hộ dân mạnh dạn chuyển đổi một số diện tích trồng tiêu bị sâu bệnh, diện tích cao su gãy đổ và đất vườn tạp sang trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao như ☞

thanh long ruột đỏ, cam, bưởi, cây dược liệu, dứa... Theo thống kê, từ năm 2014 đến nay, bà con nhân dân trong xã đã chuyển đổi được 10ha trồng cam, 5ha trồng cây thanh long, cây bơ và cây dược liệu như nghệ, sả chanh. Ngoài ra, địa phương cũng đang triển khai thử nghiệm mô hình trồng dứa trên một số diện tích đất kém hiệu quả, hiện tại các hộ dân trong xã đã đăng ký thực hiện với diện tích gần 7ha. Điểm đặc biệt là xã không tập trung phát triển đồng loạt một loại cây mà khuyến khích bà con đa dạng hóa đối tượng cây trồng để tránh bị "rớt giá" khi vào vụ thu hoạch, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế cho bà con.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang diễn biến phức tạp, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên vùng gò đồi xã Trường Thủy được xem là hướng đi mới góp phần tăng hiệu quả kinh tế và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, để mô hình này phát triển và đem lại hiệu quả bền vững, địa phương cũng mong muốn các cấp, các ngành tạo điều kiện để giúp nông dân tiếp cận tiến bộ kỹ thuật và thị trường tiêu thụ ổn định cho các loại cây chuyển đổi có hiệu quả■

Mô hình trồng cây thanh long ruột đỏ trên đất vườn đồi của anh Đỗ Tiến Tình tại thôn Hương Thủy, xã Trường Thủy

NGỌC LAN
Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Quảng Bình

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI NUÔI TÔM NƯỚC LỢ VỤ ĐÔNG Ở MIỀN BẮC

Trong những năm gần đây, tại miền Bắc phát triển mạnh hình thức nuôi tôm nước lợ vụ đông với tỷ lệ nuôi ở các tỉnh từ Quảng Ninh đến Thừa Thiên Huế chiếm 5,8% tổng diện tích thả nuôi, cao gấp 3,8 lần so với tỷ lệ diện tích nuôi tôm vụ 3 của cả nước. Trước hết, phải khẳng định, nuôi tôm vụ đông thành công sẽ mang lại giá trị rất lớn về kinh tế, hiệu quả gấp 1,5 - 2 lần nuôi chính vụ và thị trường tiêu thụ khá thuận lợi. Tuy nhiên, đây là vụ nuôi khó do tính rủi ro cao vì thời tiết, dịch bệnh, chi phí đầu tư cao (khoảng 500 triệu đồng/ha), thời gian nuôi dài hơn chính vụ khoảng 1,5 lần.

Năm 2016 - 2017 vừa qua, Viện Nghiên cứu Hải sản đã xây dựng các mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm vụ thu - đông ở các tỉnh miền Bắc cho kết quả rất khả quan, năng suất các mô hình dao động từ 12,3 - 15,5 tấn/ha, hiệu quả kinh tế đạt được từ 820 triệu đồng - 1.890 triệu đồng/ha/vụ. Mặc dù tôm thẻ chân trắng là

Người nuôi cần thường xuyên kiểm tra các yếu tố môi trường, đảm bảo nằm trong ngưỡng thích hợp

Khi thời tiết có sự thay đổi, bà con cần điều chỉnh lượng thức ăn hợp lý cho tôm nuôi

loài dễ nuôi, tỷ lệ sống cao,… và được nuôi rộng rãi hiện nay, song, đây cũng là loài rất nhạy cảm với các yếu tố môi trường. Điểm đặc biệt là khi tôm bị sốc không nổi đầu mà chết đáy nên người nuôi thường không kịp trở tay. Do vậy, có thể nói nuôi tôm vụ đông ở khu vực miền Bắc là rất khó bởi nhiệt độ xuống thấp hơn ngưỡng độ thích hợp (25-30^{O}C) của tôm thẻ. Vì thế, biện pháp hữu hiệu nhất để nuôi tôm thẻ vụ đông đạt hiệu quả là nuôi trong nhà bạt. Dưới đây là những điều cần lưu ý để vụ nuôi được thành công.

1. Cải tạo và chuẩn bị ao nuôi

Cải tạo và chuẩn bị ao nuôi: Ao có diện tích thích hợp nhất từ 2.000 - 3.000 m^2, độ sâu từ 1,5-1,8 m, được lót bạt, có hệ thống cấp thoát nước, ao lắng,… hoàn chỉnh. Trước khi nuôi, cần có biện pháp cải tạo tốt như: vệ sinh hoặc tháo dỡ lớp bạt cũ rồi bón vôi với liều 15-17 kg/100 m^3, phơi đáy từ 5-7 ngày,… sau đó cấp nước vào ao khoảng 1,2-1,4 m.

- Xây dựng và chuẩn bị nhà bạt: Sử dụng cột bê tông từ 5-6 m để làm trụ đỡ, tiếp theo chăng dây cáp bọc nhựa để tạo khung, đồng thời tạo cửa ra vào thuận tiện cho việc chăm sóc và quản lý. Có thể xây nhà bạt, hình chóp nón hoặc nhà 2 mái, sau cùng phủ một tấm bạt mỏng lên để tránh bị chăng dây đè cáp,…

- Xử lý nước và gây màu: Có thể sử dụng phân vô cơ NPK, DAP hoặc cám gạo, bột đậu nành, bột cá nấu chín,… trộn với men bánh mì ủ chua bón liên tục từ 3-5 ngày đến khi nước có màu đạt yêu cầu. Ngoài ra, bà con có thể bổ sung thêm các chế phẩm sinh học trong nuôi trồng thủy sản để tạo môi trường nuôi tốt hơn, cân bằng tảo và tạo nguồn thức ăn tự nhiên khi thả tôm.

2. Chọn giống và thả nuôi

Khi nước trong ao có màu xanh nõn chuối hoặc nâu, độ trong từ 30-40 cm và tiến hành kiểm tra các yếu tố môi trường đều đạt ngưỡng thích hợp (Oxy > 4mg/l, pH: 7.5-8.5, kiềm: 80-120 mg/l,…) thì tiến hành thả giống. Tôm giống khỏe mạnh, không dị tật, có xuất xứ rõ ràng. Với tôm giống cỡ 12 PL- 15PL bà con có thể thả nuôi với mật độ 120-150 con/m^2.

Thời gian thả nuôi tốt nhất là khoảng đầu tháng 9. Thời điểm thả thích hợp nhất là vào lúc sáng sớm hoặc chiều mát, tránh thả lúc nắng nóng hoặc có mưa. Trước khi thả cần ngâm túi giống trong ao nuôi khoảng 15-20 phút.

3. Chăm sóc và quản lý

- Chăm sóc: Sử dụng thức ăn công nghiệp và cho tôm ăn theo hướng dẫn của nhà sản xuất, đồng thời bổ sung thêm các Vitamin C, hoặc các khoáng chất cần thiết,… để giúp tôm tăng cường sức đề kháng, khả năng chống chịu và khỏe mạnh. Nên sử dụng nhá khi cho ăn để quản lý lượng thức ăn. Khi thời tiết có sự thay đổi hoặc tình trạng tôm nuôi bị biến động cần điều chỉnh lượng thức ăn hợp lý.

- Quản lý: Bố trí các dàn quạt trong ao là điều cần thiết để cung cấp đủ oxy hòa tan. Do nuôi tôm trong nhà bạt sẽ có lượng oxy khuyếch tán từ không khí ít hơn so với nuôi tôm ngoài trời nên cần sử dụng quạt nước trong ngày nhiều hơn. Cụ thể:

+ Với tôm nuôi trong 2 tháng đầu: Thời gian quạt nước là 6-8 giờ/ngày, bắt đầu từ 22h-6h sáng.

+ Với tôm nuôi từ tháng thứ 3 trở đi: Thời gian quạt nước là 15 giờ/ngày, bắt đầu từ 16h-7h sáng.

Bên cạnh đó, cần tiến hành đo các yếu tố môi trường 2 lần/ngày vào lúc 6h và 14h để phát hiện các chỉ số môi trường biến động, nếu vượt ngưỡng thích hợp cần điều chỉnh ngay. Có thể bổ sung các chế phẩm sinh học để ổn định các yếu tố môi trường nuôi.

- Phòng trị bệnh: Có thể nói nuôi tôm thẻ vụ đông thật sự là một thách thức lớn về dịch bệnh, do vậy cần đặc biệt lưu ý đến việc phòng và trị bệnh như sau:

+ Khi đi vào nhà bạt, người nuôi cần phải đi ủng và lội qua thùng dung dịch thuốc tím ($KMnO_4$) để khử trùng. Cần phải có ao lắng để xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi.

+ Cho tôm ăn đầy đủ, bổ sung các khoáng chất và vitamin cần thiết để tăng sức đề kháng.

+ Thường xuyên kiểm tra các yếu tố môi trường và đảm bảo luôn nằm trong ngưỡng thích hợp.

+ Khi ao nuôi có dấu hiệu bất thường cần báo với các chuyên gia hoặc cơ quan chức năng để có biện pháp phòng trị kịp thời■

VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN

QUY TRÌNH QUẢN LÝ TÍNH KHÁNG THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT CỦA RẦY NÂU, RẦY LƯNG TRẮNG HẠI LÚA

Ngày 28/6/2018 Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định số 1757/QĐ-BVTV-KH về việc công nhận "Quy trình quản lý tính kháng thuốc bảo vệ thực vật của rầy nâu *Nilaparvata lugens (Stal),* rầy lưng trắng *Sogatella furcifera (Horvath)* hại lúa" là tiến bộ kỹ thuật ngành nông nghiệp và PTNT. Tiến bộ kỹ thuật này được áp dụng để quản lý tổng hợp, ngăn chặn sự hình thành tính kháng thuốc của rầy nâu, rầy lưng trắng tại các tỉnh trồng lúa trọng điểm ở Việt Nam. Ban biên tập Bản tin Khuyến nông Việt Nam xin giới thiệu nội dung tiến bộ kỹ thuật như sau:

Quản lý tính kháng thuốc của rầy nâu *Nilaparvata lugens* (Stal), rầy lưng trắng *Sogatella furcifera* (Horvath) hại cây lúa dựa trên nguyên tắc áp dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây lúa.

1. Biện pháp canh tác

- Vệ sinh đồng ruộng: Làm sạch cỏ ven bờ ruộng và ở mương/máng dẫn nước tưới; tiêu hủy nhổ bỏ lúa chét, cỏ lồng vực, cỏ đuôi phụng, cỏ chác, lúa cỏ,...

- Làm đất: Đất ruộng phải được cày, bừa kỹ, san phẳng mặt ruộng trước khi gieo, cấy.

- Giống: Sử dụng các giống lúa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam. Ưu tiên các giống lúa có khả năng kháng/chống chịu rầy nâu, rầy lưng trắng.

- Phân bón: Phụ thuộc vào giống lúa, loại đất và giai đoạn sinh trưởng cây trồng. Không bón thừa đạm (dùng bảng so màu lá lúa để điều chỉnh bón đủ lượng phân đạm). Không nên bón phân đạm quá cao trên 150 kg N/ha.

- Tưới nước: Quản lý nước theo quy trình tưới nước tiết kiệm.

- Thời vụ: Tuân thủ thời vụ theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn. Sử dụng bẫy đèn để dự báo thời điểm trưởng thành rầy vũ hóa rộ nhằm xác định thời điểm gieo, cấy lúa tập trung để né rầy.

2. Biện pháp sinh học bảo vệ kẻ thù tự nhiên (KTTN)

Không sử dụng thuốc hóa học khi chưa cần thiết, trên bờ ruộng lúa nên trồng cây hoa có mật để thu hút, bảo vệ KTTN như bọ xít mù xanh *Cyrtorhinus lividipennis,* nhện sói vân đinh ba *Lycosa pseudoannulata*, nhện linh miêu *Oxyopes javanus*, nhện lùn *Atypena formosana*, bọ xít nước, ong ký sinh trứng rầy,...

3. Biện pháp hóa học

- Thời điểm phòng trừ:

Điều tra định kỳ diễn biến mật độ rầy nâu, rầy lưng trắng để xác định thời điểm phòng trừ (điều tra 7 ngày/lần). Chú ý giai đoạn trước trỗ, nếu mật độ rầy đạt ngưỡng 1.000 con/m trở lên và giai đoạn sau trỗ mật độ rầy đạt ngưỡng 2.000 con/m trở lên thì sử dụng thuốc bảo vệ thực vật để phòng trừ. Ngưỡng mật độ này được áp dụng trong phòng trừ khi rầy cám là phổ biến (tuổi 1-3). Trong điều kiện bình thường, tập trung phòng trừ rầy ở giai đoạn lúa đòng già, trỗ và chắc xanh, đỏ đuôi. Trong trường hợp bệnh vàng lùn lùn xoắn lá, lùn sọc đen có nguy cơ bùng phát mới cần phòng trừ rầy trên mạ, lúa giai đoạn trước làm đòng.

- Loại thuốc sử dụng:

Sử dụng các thuốc trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép dùng trên lúa. Ưu tiên các thuốc mà rầy nâu, rầy lưng trắng chưa biểu hiện tính kháng (Ri < 10; RR10; RR>3) phải luân phiên với thuốc khác nhóm. Cách sử dụng thuốc bảo vệ thực vật: Sử dụng luân phiên 1 trong các hoạt chất theo các công thức luân phiên sau: Sulfoxaflor - Dinotefuran - Pymetrozine Pymetrozine - Sulfoxaflor - Dinotefuran Điều tiết sinh trưởng côn trùng - Dinotefuran - Sulfoxaflor Nitenpyram - thuốc điều tiết sinh trưởng côn trùng - Sulfoxaflor Emamectin benzoate - Dinotefuran - Sulfoxaflor Hạn chế sử dụng thuốc thuộc các nhóm hoạt chất Imidacloprid, Fenobucarb, Fipronil và các thuốc có từ trên 2 hoạt chất. Mỗi loại thuốc chỉ nên sử dụng 01 lần/01 vụ và tối đa không quá 3 vụ liên tục, sau đó phải chuyển sang sử dụng loại thuốc khác. Khi lúa ở giai đoạn trước trỗ (đầu vụ) có thể sử dụng thuốc có cơ chế nội hấp. Lưu dẫn, gây ngán ăn, điều hoà sinh trưởng côn trùng (Pymetrozine, Buprofezin, Emamectin benzoate, Flonicamid, Sulfoxaflor,...). Khi lúa ở giai đoạn trỗ - chín (cuối vụ) cần sử dụng thuốc có cơ chế tác dụng tiếp xúc (Sulfoxaflor, Dinotefuran, Nitenpyram,...).

- Liều lượng, nồng độ: Theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Phải phun đủ lượng nước thuốc quy định (400 - 600 lít/ha).

- Kỹ thuật phun thuốc: Khi lúa tốt, trước khi phun rẽ lúa tạo các băng để có thể phun sát phần gốc của cây lúa nơi rầy cư trú và dâng nước cao 3 - 5 cm để tăng hiệu quả phòng trừ (nếu chủ động được nước). Sử dụng các loại bình bơm đạt tiêu chuẩn. Sau phun thuốc 3 - 7 ngày cần kiểm tra ruộng nếu mật độ rầy vẫn còn tăng lên cao thì phải phun lại mới đạt yêu cầu■

BBT *(gt)*

BỆNH ĐẬU DÊ VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG

Bệnh đậu dê là một bệnh truyền nhiễm chung cho cả dê và cừu, bệnh lây lan nhanh với các mụn đậu xuất hiện ở nhiều chỗ trên da mặt và niêm mạc miệng, mũi... Dê, bị bệnh nặng và chết với tỷ lệ cao (30 - 40%), gây thiệt hại về kinh tế.

1. Nguyên nhân

Bệnh do vi rút tên là *Capripoxvi rút* gây ra, vi rút bệnh đậu dê có thể tồn tại nhiều tháng trong môi trường và có sức đề kháng cao với các loại hóa chất thông thường.

Đường truyền lây chủ yếu của bệnh là thông qua tiếp xúc trực tiếp giữa gia súc mẫn cảm với gia súc bệnh hoặc gián tiếp thông qua phương tiện hoặc vật dụng nhiễm vi rút.

2. Triệu chứng

Bệnh thường phát sinh vào mùa xuân, mùa hè khi thời tiết nóng ẩm, thời gian nung bệnh ở dê là 5 - 7 ngày.

Biểu hiện bệnh sốt cao 40 - 41°C, kéo dài 3 - 5 ngày, chảy nước mắt và dịch mũi, kém ăn nằm một chỗ, trên da mặt, quanh miệng xuất hiện các mụn nhỏ như hạt đỗ, hạt ngô, lúc đầu nhỏ, sau mọng trắng vỡ loét ra, chảy dịch, đóng vảy nâu đen, vảy bong ra để lại vết sẹo đỏ.

Biến chứng thường gặp như các mụn đậu mọc ở kết mạc mắt khi vỡ ra có thể làm cho dê bị mù, mụn đậu mọc ở niêm mạc miệng, mũi và khí quản, gây viêm màng giả, có thể làm cho dê thở khó, suy hô hấp, mụn đậu mọc ở quanh núm vú, gây lở loét quanh núm vú.

Khi bị nhiễm trùng kế phát do các loại tạp khuẩn thì các mụn loét mưng mủ, vỡ loét thành vết thương lâu lành.

Dê mang thai thường sảy thai khi bị bệnh đậu. Một số dê non mắc bệnh còn thấy ỉa chảy nặng, chết nhanh, khi vi rút đậu tác động đến niêm mạc ruột.

3. Bệnh tích

Có mụn đậu ở ngoài da và trong niêm mạc mũi, miệng quanh mắt và núm vú ở dê cái.

4. Chẩn đoán

Dựa vào các triệu chứng điển hình như các mụn đậu trên da mặt, quanh miệng, mắt, vùng vú hoặc niêm mạc miệng, mũi và khí quản.

Có thể nhầm với bệnh viêm loét miệng truyền nhiễm.

Chẩn đoán phòng thí nghiệm: Phân lập vi rút đậu.

5. Xử lý khi dê mắc bệnh

Cách ly triệt để đàn dê mắc bệnh.

Không có thuốc đặc hiệu điều trị bệnh đậu dê.

Bôi các dung dịch sát trùng lên các mụn đậu, thường dùng dung dịch xanh mê-ti-len hoặc dung dịch Iodin 1% bôi lên vết mụn loét, các dung dịch này diệt được vi rút và vi khuẩn ở mụn đậu, làm cho mụn đậu đóng vảy nhanh, bong ra và liền sẹo nhanh.

Khi có hiện tượng viêm nhiễm kế phát ở mũi, miệng và viêm khí quản thì điều trị bằng kháng sinh như AmpiKana hoặc Gentamicin - Doxycyclin, Lincospecto, liều theo khuyến cáo của nhà sản xuất, kết hợp với sử dụng các loại thuốc trợ sức, trợ lực như Urotropin, Vitamin B1, Vitamin C và Cafein.

Trong thời gian điều trị giữ chuồng khô, sạch sẽ, tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng để dê nhanh bình phục.

Khi dịch xảy ra: phải thực hiện ngay các biện pháp cấp bách để phòng chống dịch như khoanh vùng có dịch, giám sát theo dõi diễn biến của dịch, thường xuyên thông báo tình hình dịch bệnh, các triệu chứng lâm sàng để nhanh chóng xử lý, dùng hóa chất để phun tiêu độc chuồng trại cho các hộ chăn nuôi dê, xử lý xác dê đã bị chết hoặc quá yếu. Ngừng mua bán, trao đổi và vận chuyển dê sang các địa phương khác để phòng tránh bệnh lây lan ra diện rộng, tiêm phòng vắc xin bao vây ổ dịch.

Luân phiên trống chuồng, bãi chăn thả, vệ sinh, tiêu độc khử trùng để tiêu diệt mầm bệnh.

6. Phòng bệnh

Tiêm vắc xin phòng bệnh cho dê.

Giữ chuồng luôn khô sạch, ấm về mùa đông và thoáng mát vào mùa hè, phát hiện sớm dê bệnh để cách ly, xử lý và khẩn trương báo cáo lên cơ quan thú y cấp trên■

TS. NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

KỸ THUẬT CHĂN NUÔI VỊT CHUYÊN THỊT THƯƠNG PHẨM

I. Giới thiệu một số giống vịt chuyên thịt hiện nay và cách chọn giống

1. Vịt thương phẩm SH

Tuổi giết thịt: 56 ngày tuổi

Tỷ lệ nuôi sống: 97,5 - 98,0%

Khối lượng cơ thể: 3,7 - 3,8 kg

Tiêu tốn thức ăn/kg khối lượng: 2,5 - 2,6 kg

2. Vịt thương phẩm SD

Tuổi giết thịt: 56 ngày tuổi

Tỷ lệ nuôi sống: 97-98,5%

Khối lượng cơ thể: 3,5- 3,7 kg

Tiêu tốn thức ăn/kg khối lượng: 2,7-2,8 kg

3. Chọn vịt giống

Con giống phải đảm bảo an toàn dịch bệnh, có nguồn gốc rõ ràng từ các cơ sở đảm bảo chất lượng, có giấy kiểm dịch khi xuất bán.

Chọn vịt con khoẻ mạnh nhanh nhẹn. Lông bông, mắt sáng, bụng gọn, chân mập, cứng cáp, dáng đi vững vàng, có màu sắc lông tơ đặc trưng của giống. Nên đưa vịt con xuống chuồng nuôi trước 24 giờ tính từ lúc nở ra.

II. Chuẩn bị chuồng trại và dụng cụ chăn nuôi vịt

1. Chuồng trại

Chuồng trại phải phù hợp với từng giai đoạn phát triển của vịt.

Chuồng nuôi vịt cần được xây dựng có mái chắc chắn, hệ thống thoát nước tốt. Chuồng nuôi vịt nên chọn nơi cao ráo, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông và tránh gió lùa. Bề mặt tường, trần và nền bằng gạch, bê tông có láng xi măng bằng phẳng, nhẵn. Nền chuồng có độ dốc từ 7 đến 10^0 để thuận tiện cho khâu dọn vệ sinh, tẩy uế. Mỗi chuồng cần có hiên rộng từ 1-1,5m để tránh mưa, nắng, gió.

Xây dựng chuồng phải có đầy đủ trang thiết bị chiếu sáng, thông gió và điều kiện phục vụ cho công tác vệ sinh phòng dịch, an toàn sinh học.

Cần có diện tích sân chơi bằng 1,5-2 lần diện tích nền chuồng. Có thể có mương nước, ao hồ sạch, xây bể hoặc máng nước nhân tạo có độ sâu 20-25cm với kích thước tuỳ thuộc số lượng vịt, hàng ngày thay nước để nước luôn sạch cho vịt tắm.

a. Chuồng nuôi vịt con

Phải đảm bảo không có gió lùa trực tiếp vào vịt con, nhất là trong tuần tuổi đầu tiên.

Có thể sử dụng chuồng sàn cao 1,0-1,2 m.

Kích thước chuồng nuôi tùy vào số lượng vịt thường có chiều rộng 6m, chiều dài 20m có thể úm cho 1.500 đến 2.000 vịt trong 2 tuần đầu.

Tường xây cao 1m bằng gạch, bên trên sử dụng khung lưới B40 để tạo độ thông thoáng. Phần khung có thể sử dụng bạt để che chắn vào ban đêm, ban ngày mở để tạo thông thoáng giúp nền chuồng khô ráo. Chuồng đầu tư đơn giản có thể sử dụng cót ép, phên tre để che chắn thay cho tường gạch.

Mái được lợp bằng tôn, ngói hoặc các vật liệu địa phương, cần có độ dốc khoảng 30^0 trở lên để nước mưa có thể thoát tốt tránh dột.

Nền chuồng tốt nhất là bê tông hay lát gạch có độ dốc từ 7-10^0 để thuận tiện cho công việc dọn vệ sinh, tẩy uế…

b. Chuồng nuôi vịt giò

Kích thước chuồng thường có chiều rộng 9-12m, chiều dài tùy vào số lượng vịt, nhưng phải đảm bảo mật độ tối đa 4-5 con/m^2 nền chuồng.

Tường xây 3 mặt cao 0,5m bằng gạch, bên trên sử dụng khung lưới B40 để tạo độ thông thoáng. Phần mặt phía trước ngoài sân không xây để vịt đi lại tự do. Chuồng đầu tư đơn giản có thể sử dụng cót ép, phên tre để che chắn thay cho tường gạch.

Mái được lợp bằng tôn, ngói hoặc các vật liệu địa phương cần có độ dốc khoảng 30^0 trở lên để nước mưa có thể thoát tốt tránh dột.

Nền chuồng tốt nhất là bê tông hay lát gạch có độ dốc từ 7 - 10^0 để thuận tiện cho khâu dọn vệ sinh, tẩy uế…, hoặc sử dụng cát với độ dày 15 cm trở lên vì nền cát có ưu điểm hút nước tốt làm nền khô.

Sân chơi có diện tích tối thiểu bằng 1,5-2 lần diện tích chuồng nuôi, có thể đổ cát hoặc lát gạch có độ dốc để không đọng nước.

2. Dụng cụ chăn nuôi vịt

a. Rèm che

Dùng vải bạt, cót ép hoặc phên liếp che xung quanh chuồng nuôi để giữ nhiệt, tránh gió lùa và mưa bão (nhất là giai đoạn vịt con).

b. Máng ăn

Dùng máng ăn bằng tôn có kích thước 70 x 50 x 2,5 cm, sử dụng cho 70-100 con/máng. Từ tuần tuổi thứ 3 trở đi cho vịt ăn bằng máng tôn có kích thước 70 x 50 x 5cm hoặc máng nhựa hình chữ nhật.

c. Máng uống

Giai đoạn: 1- 2 tuần tuổi sử dụng máng uống tròn loại 2 lít.

Giai đoạn: 3-8 tuần tuổi sử dụng máng uống tròn loại 5 lít, dùng cho 30- 40 con/máng.

Có thể sử dụng máng nhựa hình chữ nhật, máng tôn, chậu sành, chậu nhựa có kích cỡ phù hợp với độ tuổi của vịt.

d. Chụp sưởi

Có thể dùng hệ thống lò sưởi hoặc bóng điện đảm bảo cung cấp đủ nhiệt cho vịt con. Dùng bóng điện 75W/1 quây (60-70 vịt). Mùa đông 2 bóng/1 quây.

e. Quây vịt

Dùng cót ép quây, chiều cao 0,4-0,5m; dài 4-4,5m; sử dụng cho 60-70 con/quây, từ ngày thứ 7 nới dần diện tích quây. Từ cuối tuần thứ 2 bỏ quây để cho vịt vận động, ăn uống được thoải mái.

III. Mật độ

Vịt 0-2 tuần tuổi: 22 con/m^2 nền chuồng.

Vịt 2- 3 tuần tuổi: 12 con/m^2 nền chuồng.

Vịt 4- 6 tuần tuổi: 6-8 con/m^2 nền chuồng

Vịt 7- 8 tuần tuổi: 4-5 con/m^2 nền chuồng.

IV. Nhiệt độ, độ ẩm và chiếu sáng

1. Nhiệt độ, độ ẩm

Đối với gia cầm non, đặc biệt đối với vịt con nhiệt độ có vai trò quyết định cho sự sinh trưởng phát triển giai đoạn đầu. Nếu nhiệt độ thiếu vịt sẽ còi cọc, rất dễ mắc bệnh và chết với tỷ lệ cao. Khi thiếu nhiệt vịt tập trung gần nguồn nhiệt dồn chồng lên nhau, nếu thừa nhiệt vịt tản xa nguồn nhiệt nháo nhác khát nước, khi vịt dồn về một bên là do gió lùa. Trong trường hợp thừa, thiếu nhiệt và gió lùa vịt kêu rất nhiều, cần quan sát tình trạng ăn uống đi đứng của vịt con, nếu thấy con nào buồn bã, ủ rủ cần cách ly ngay để theo dõi.

Yêu cầu nhiệt độ trong quây úm: 1-3 ngày tuổi: 32 - 34^{0}C; 4-7 ngày tuổi: 28-30^{0}C; 8-14 ngày tuổi: 26-28^{0}C.

Độ ẩm: Độ ẩm thích hợp để nuôi vịt giai đoạn úm trong khoảng 60 - 65%. Nếu kiểm tra thấy chất độn chuồng bị ướt phải thay ngay.

Thông thoáng: trong tuần đầu lượng khí thải của vịt con không đáng kể nên mức độ trao đổi không khí thấp. Từ tuần thứ hai trở đi mức độ thông thoáng cần đáp ứng: 1m^3 không khí/giờ/1kg khối lượng cơ thể. Điều kiện môi trường nuôi ngột ngạt có thể làm cho bệnh tật phát sinh đặc biệt là bệnh nấm phổi. Chuồng nuôi luôn đảm bảo thông thoáng tốt, nhưng phải tránh gió lùa.

2. Ánh sáng

Thời gian chiếu sáng trong 2 tuần đầu: 23 - 24 giờ/ngày, dùng bóng điện treo cách nền chuồng 0,3- 0,5m. Sau đó mỗi ngày giảm 01 giờ chiếu sáng đến khi đạt 14 - 15giờ/ngày. Từ tuần tuổi thứ 5 trở đi sử dụng ánh sáng tự nhiên.

3. Chế độ chiếu sáng

Trong tuần đầu giờ chiếu sáng là 23 - 24 giờ/ngày, các tuần tiếp theo giảm giờ chiếu sáng và cường độ chiếu sáng. Nếu dùng ánh sáng nhân tạo nên dùng ánh sáng mờ đủ để vịt tìm đến máng ăn, máng uống, vịt vận động ít sẽ hấp thụ thức ăn nhiều giúp cho khả năng tăng khối lượng nhanh.

V. Thức ăn và phương pháp cho ăn

1. Thức ăn

Phải đảm bảo thức ăn luôn mới, thơm, không bị mốc mọt. Thức ăn phải cân đối về thành phần giá trị dinh dưỡng để đáp ứng đủ nhu cầu sinh trưởng và phát triển của vịt trong từng giai đoạn.

2. Phương pháp cho ăn

Để vịt ăn được nhiều, hiệu quả chuyển hoá thức ăn tốt cần cho ăn theo bữa, hết thức ăn mới cho ăn tiếp để thức ăn thường xuyên mới có mùi thơm sẽ kích thích vịt ăn được nhiều.

Chú ý: Đảm bảo chất lượng thức ăn tốt không bị nhiễm mốc.

Giai đoạn 1- 4 tuần tuổi: nuôi gột giống quy trình úm vịt con để sinh sản. Sau 4 tuần tuổi có thể kết hợp với chăn thả.

Có thể sử dụng các loại thức ăn có sẵn ở địa phương.

Từ lúc 1 ngày tuổi đến khi giết thịt cho vịt ăn tự do, ăn càng nhiều càng tốt.

Mô hình nuôi vịt thương phẩm

VI. Nước uống và phương pháp cho uống

Cần phải cho vịt uống nước sạch. Trong 7 ngày đầu dùng máng uống 2 lít sau đó dùng máng 5 lít.

Từ 5 tuần đầu đến giết thịt có thể cho uống bằng máng xây ngoài sân chơi, hoặc máng nhựa hình chữ nhật. Máng uống phải dễ cọ rửa, làm vệ sinh, vịt uống được nhưng không tắm được.

Khi sử dụng vacine cần chú ý những điểm sau:

Chỉ sử dụng vaccine khi vịt khỏe mạnh.

Nên bổ sung vitamin tổng hợp hoặc điện giải cho vịt uống trong thời gian sử dụng vaccine.

Sử dụng xylanh hoặc ống nhỏ đã được khử trùng (luộc sôi từ 5 - 10 phút).

CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG NUÔI VỊT THỊT

Chỉ tiêu	0-2 tuần tuổi	3-6 tuần tuổi	7-8 tuần tuổi
Protein (%)	20-22	18,5	17,0
ME (kcal/kg thức ăn)	2850-2900	2900-2950	2950-3050
Lysine (%)	1,17-135	1,0	0,88
Methionine (%)	0,5-0,6	0,42	0,42
Can xi (%)	0,8-1,0	0,9-1,0	1,0-1,1
Phot pho (%)	0,45-0,5	0,35-0,4	0,35-0,4
Xơ (%)	3,5-4,5	4,0-4,5	4,0-4,5

LỊCH PHÒNG VACCINE CHO VỊT CHUYÊN THỊT

Ngày tuổi	Vaccine	Phòng bệnh	Cách sử dụng
3	Viêm gan vịt	Viêm gan vịt do virus	Tiêm dưới da cổ hoặc uống
7	Dịch tả vịt (lần 1)	Dịch tả vịt	Tiêm dưới da cổ
15	H5N1 (lần 1)	Cúm gia cầm	Tiêm dưới da cổ 0,5ml
35	Tụ huyết trùng (lần 1)	Tụ huyết trùng	Tiêm dưới da cổ

Sử dụng đúng liều lượng, bảo quản vaccine theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Lọ vaccine sau khi sử dụng phải được luộc sôi 30 phút, sau đó có thể chôn hoặc để nơi quy định.

Người tiêm vaccine phải được trang bị bảo hộ đầy đủ■

TS. NGUYỄN DUY ĐIỀU
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

MỘT SỐ LOẠI BỆNH HẠI TRÊN CÂY CÀ CHUA VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ

(Kỳ 1)

1. Bệnh sương mai cà chua

Nguyên nhân

Bệnh do nấm *Phytopthora infestans (Mont.) de Bary* gây ra. Là loài nấm ký sinh chuyên tính. Bào tử mọc thành cụm, phân nhiều nhánh. Bọc động bào tử không màu, hình quả chanh.

Triệu chứng

Trên lá: Bệnh thường xuất hiện đầu tiên ở mép chóp lá tạo vết xám xanh nhạt sau đó lan rộng vào phiến lá. Phần giữa vết bệnh chuyển màu nâu đen và xung quanh vết bệnh thường có lớp cành bào tử màu trắng xốp bao phủ như một lớp mốc trắng như muối làm cho lá chết lụi nhanh chóng. Ở mặt dưới lá, vết bệnh có một lớp mốc trắng như sương. Bệnh nhẹ lá hơi bị cháy, bệnh nặng có thể làm toàn bộ phiến lá bị cháy khô.

Triệu chứng bệnh mốc sương trên lá cà chua

Trên thân cành: Bị bệnh từng đoạn dài, vỏ và ruột thân lúc đầu màu nâu hoặc thâm đen, sau đó thối ướt màu nâu đen. Chỗ bị bệnh nhỏ tóp lại, có khi chỉ một phía thân bị thối. Khi ẩm ướt, trên vết bệnh có lớp nấm trắng như sương muối bao phủ, phía trên chỗ bị bệnh, lá héo dần; cành, thân bị bệnh dễ bị gãy gục làm tán cây xơ xác.

Trên quả: Bệnh có thể xuất hiện tại mọi vị trí trên quả nhưng thường thấy ở đuôi quả nhiều hơn do hơi sương thường chảy và đọng dưới vị trí này, trên quả có những đốm màu xanh xám, dạng thối ủng nước nhưng giai đoạn đầu vết bệnh vẫn cứng, vết bệnh lớn dần, chuyển sang màu trắng đục hoặc màu nâu đen, không gây lõm, có viền rõ và bên trong bị thối. Bệnh nhẹ quả hơi nám và cứng, bệnh nặng quả không phát triển được, sau đó bị rụng.

Trên hoa: vết bệnh có màu nâu đen ở đài hoa, cuống hoa làm hoa rụng.

Đặc điểm phát sinh

Bệnh phát sinh và gây hại mạnh trong điều kiện thời tiết mưa nhiều ẩm độ cao, mưa nắng xen kẽ, trời âm u có sương mù, ở các vùng đất trũng thấp, ít thoát nước, bón phân không cân đối, bón quá nhiều đạm.

Biện pháp phòng chống

Giống: Trồng giống kháng bệnh.

Biện pháp canh tác:

- Vệ sinh đồng ruộng, thu gom và tiêu hủy tàn dư cây bệnh. Bón vôi, phân hữu cơ hoai mục trước khi gieo trồng. Bón phân cân đối, tăng lượng bón phân kali và lân. Luống đánh cao, rãnh rộng để dễ thoát nước.

- Vườn ươm phải là nơi đất cao ráo, sạch sẽ. Không nên trồng cà chua gần ruộng khoai tây và không luân canh kế cận với khoai tây.

- Thường xuyên kiểm tra phát hiện bệnh kịp thời ngoài đồng ruộng, khi thấy phát sinh các ổ bệnh đầu tiên cần phải phân loại ruộng để có kế hoạch phun thuốc ngăn chặn ngay.

Biện pháp sinh học: Sử dụng chế phẩm Trichoderma ủ với phân chuồng hoai mục 7 - 10 ngày để bón lót.

Biện pháp hóa học:

- Dùng các loại thuốc được phép sử dụng, theo nồng độ khuyến cáo và theo nguyên tắc 4 đúng (đúng thuốc, đúng thời điểm, đúng nồng độ và liều lượng, đúng cách).

- Khi phát hiện bệnh trên đồng ruộng có thể sử dụng một số loại thuốc gốc đồng và thuốc chứa các hoạt chất Mancozeb, Phosphorous, Fosetyl-aluminium như: Ridomil Gold 68WP, Aliette 80WG, Eddy 72WP+ Klifos, Agrifos 400…

2. Bệnh mốc đen lá

Nguyên nhân: Bệnh do nấm *Pseudocercospora fuligena (Roldan.) Deighton* gây ra.

Triệu chứng

Vết bệnh lúc đầu mờ, lõm, sau lan rộng, mô bị bệnh chuyển thành màu hơi vàng xám. Nấm gây hại cả mặt trên và mặt dưới lá, lá bị bệnh nặng có thể rụng.

Nấm mọc thành đám màu xám nhạt ở dưới mặt lá. Trên lá non, vết bệnh lúc đầu nhỏ, sau tăng nhanh, xuất hiện quầng vàng ở xung quanh, mô bị bệnh ở mặt trên và mặt dưới lá đều bị chết. Vết bệnh lan rộng trên lá non, không bị giới hạn bởi gân lá, có thể làm rách lá.

Triệu chứng bệnh mốc đen lá cà chua

Đặc điểm phát sinh

Bệnh tồn lưu trên tàn dư cây bệnh. Bào tử lan truyền trong không khí, rơi trên lá cà chua, sự xâm nhiễm xảy ra nhanh nhưng triệu chứng được thể hiện chậm sau 2 tuần, bệnh thường xuất hiện ở các lá phía gốc, bệnh phát triển mạnh khi thời tiết ấm.

Biện pháp phòng chống

Giống: Trồng giống kháng bệnh.

Biện pháp canh tác: Thu dọn sạch tàn dư cây bệnh, vệ sinh đồng ruộng, làm giàn. Cắt tỉa lá già phía gốc, tăng độ thông thoáng trong luống cà chua có tác dụng làm giảm mức độ bệnh.

Biện pháp hóa học:

- Dùng các loại thuốc được phép sử dụng, theo nồng độ khuyến cáo và theo nguyên tắc 4 đúng (đúng thuốc, đúng thời điểm, đúng nồng độ và liều lượng, đúng cách).

- Khi phát hiện bệnh trên đồng ruộng có thể sử dụng một số loại thuốc như: Olicide 9DD, Trineb 80WP, Zineb bul 80WP để trừ bệnh.

3. Bệnh héo vàng

Nguyên nhân

Bệnh do nấm *Fusarium oxysporium* gây ra. Bào tử lớn hơi cong hình lưỡi liềm, có 3 - 5 vách ngăn, không màu hoặc vàng nhạt. Bào tử nhỏ hình ô van hoặc elíp.

Triệu chứng

Cây con bị bệnh còi cọc, kém phát triển sau bị chết. Cây trưởng thành bị bệnh các lá phía dưới gốc thường biến vàng, ban đầu từ một lá chét của một bên cây, sau đó lan ra toàn cây, lá héo rũ, màu vàng, không bị rụng. Vết bệnh ở trên thân sát mặt đất hoặc cổ rễ màu nâu, vết bệnh lớn dần làm khô tóp cả đoạn thân sát mặt đất, bộ rễ kém phát triển, rễ bị thối dần. Khi trời ẩm, trên bề mặt vết bệnh có lớp màu hồng nhạt, chẻ dọc thân thấy mạch dẫn có màu nâu. Cây bị bệnh ban ngày héo, ban đêm phục hồi, sinh trưởng kém. Sau 1 tuần đến 1 tháng cây sẽ chết hoàn toàn.

Triệu chứng bệnh héo vàng cà chua

Đặc điểm phát sinh

Bệnh phát triển nhiều khi thời tiết ấm, trên đất cát và đất chua. Nấm tồn tại trong đất vài năm, nhiệt độ thích hợp là 28°C. Nấm truyền qua hạt giống, cây con bị nhiễm trước khi trồng hoặc do gió, nước, công cụ làm đất…..

Biện pháp phòng chống

Giống: Chọn giống sạch bệnh.

Biện pháp canh tác:

- Thu dọn, đốt cây bị bệnh. Nếu đất bị nhiễm nặng thì phải luân canh với cây không phải họ cà trong vòng 5 - 7 năm.

- Chủ động hệ thống tưới tiêu, không tưới quá ẩm. Trồng mật độ thích hợp với từng giống, bón phân cân đối hợp lý tạo điều kiện cho cây phát triển khỏe.

Biện pháp sinh học: Dùng chế phẩm nấm đối kháng Trichoderma ủ với phân chuồng hoai 7 - 10 ngày trước khi bón, lượng 3kg/tấn phân chuồng.

Biện pháp hóa học:

- Dùng các loại thuốc được phép sử dụng, theo nồng độ khuyến cáo và theo nguyên tắc 4 đúng (đúng thuốc, đúng thời điểm, đúng nồng độ và liều lượng, đúng cách).

- Khi bệnh xuất hiện có thể sử dụng một số thuốc hóa học để phun phòng trừ bệnh có hoạt chất Zineb, Propiconazole, Difenoconazole, Hexaconazole, Mancozeb như: Ramat 80 WP, Zin 80 WP, Zithane Z 80WP, Tilt, Catcat 250EC, Score, Anvil, Saizole 5SC, Ridomil Gold 68WP….

4. Bệnh thán thư

Nguyên nhân

Bệnh do nấm *Collectotrichum phomoides Sacc.) Chester. Roger* gây ra. Bào tử đơn bào, hơi cong hay hình trụ, hai đầu tròn, không màu.

Triệu chứng

Bệnh có thể hại trên thân, lá, quả và hạt, nhưng chủ yếu hại trên quả vào giai đoạn chín. Vết bệnh ban đầu là một đốm nhỏ, hơi lõm, ướt bề mặt vỏ quả, sau 2-3 ngày

Triệu chứng bệnh thán thư trên quả cà chua

kích thước vết bệnh có thể lên tới 1cm đường kính, phân ranh giới giữa mô bệnh là một đường màu đen chạy dọc theo vết bệnh. Trên bề mặt vết bệnh có những chấm nhỏ là đĩa cành của nấm gây bệnh. Các vết bệnh có thể liên kết với nhau làm quả bị thối, vỏ khô có màu trắng vàng bẩn. Nấm có thể gây hại trên các chồi non, gây hiện tượng thối ngọn, chồi bị hại có màu nâu đen, bệnh có thể phát triển nặng làm cây bị chết dần hoặc cây bệnh có quả ở từng phần nhưng quả ít, chất lượng kém

Đặc điểm phát sinh

Bệnh thường gây hại nặng trong mùa mưa hoặc trong ruộng tưới nhiều nước, độ ẩm không khí cao.

Biện pháp phòng chống

Giống: Chọn giống ít nhiễm bệnh, trồng thưa và làm giàn chống để tạo sự thoáng khí cho cây.

Biện pháp canh tác: Thu gom tiêu hủy các quả bị bệnh.

Biện pháp hóa học:

- Dùng các loại thuốc được phép sử dụng, theo nồng độ khuyến cáo và theo nguyên tắc 4 đúng (đúng thuốc, đúng thời điểm, đúng nồng độ và liều lượng, đúng cách).

- Khi phát hiện bệnh mới chớm nên phun một trong các loại thuốc sau: hoạt chất Azoxystrobin như Amista; hoạt chất Metomenostrobin như Ringo-L 20SC hoặc phun một trong các loại thuốc sau: Amistar 250SC, Plant 50WP, Antracol 70WP, Polyram 80DF, Daconil 500SC,…. Theo hướng dẫn sử dụng trên bao bì. *(Còn nữa)*

VIỆN BẢO VỆ THỰC VẬT

KỸ THUẬT NUÔI CUA ĐỒNG THƯƠNG PHẨM BẰNG THỨC ĂN CÔNG NGHIỆP

1. Lựa chọn và xây dựng ao nuôi

- Ao nuôi cua có diện tích từ 500m^2 đến 3000m^2, độ sâu từ: 0.8 -1,5m, có đầy đủ cống cấp và thoát nước riêng.

- Nên chọn nuôi ở những ao vùng triều để giảm chi phí cho việc cấp và thay nước.

- Chọn ao ở vùng chất đất ít bị nhiễm phèn, chất đáy là bùn pha cát, thịt pha sét, không có quá nhiều bùn nhão, lớp bùn <10cm, pH từ 7.5 - 8.2 và độ mặn phù hợp từ 10 - 25‰.

- Bờ ao: bờ cần được nén kỹ để chống mọi, rò rỉ và sạt lở. Bờ ao cao hơn mực nước triều cao nhất tối thiểu là 0,5m.

- Xung quanh ao cần làm lưới chắn (rào lưới mùng) quanh bờ, cao từ 0,8 - 1m. Lưới chắn phải nghiêng về phía trong ao để tránh cua bò ra ngoài.

- Trong ao có thể đào các mương sâu 0,3 - 0,5m từ cống cấp đến cống thoát. Mương có độ dốc xuôi từ cống cấp đến cống tiêu nước. Có thể tạo nhiều gờ nổi diện tích mỗi gờ từ 10 - 100 m^2 tuỳ diện tích ao.

- Cống: Mỗi ao nuôi nên có hai cống ở hai đầu đối diện nhau, nếu ao hình chữ nhật thì hai cống sẽ đặt ở hai bờ thuộc chiều rộng. Cống thoát đặt sát đáy và thông với mương trong ao.

2. Cải tạo ao nuôi

- Tháo cạn nước, vét bớt bùn đáy, lấp hết lỗ mọi quanh bờ.

- Tiến hành bón vôi nông nghiệp với lượng 7 - 10 kg/100 m^2, sau đó phơi đáy ao 3 - 5 ngày.

- Thả chà làm bằng cây khô ở các vị trí trong ao, hoặc có thể trồng thêm khoai nước, rau muống làm chỗ trú ẩn cho cua.

- Cấp nước vào ao qua hệ thống lưới lọc, mức nước là 0,6 - 0,8m.

- Dùng phân urê và NPK với lượng 2 - 3 kg/1000 m^2, hòa tan với nước ngọt, tạt xuống ao vào khoảng thời gian từ 9 - 10 giờ sáng. Sau 3 - 5 ngày nước lên màu, tiến hành đo các yếu tố môi trường đảm bảo pH 7.5 - 8.5 thì tiến hành thả giống.

3. Chọn và thả giống

- Chọn giống: Nguồn giống thả nuôi là cua sinh sản nhân tạo hoặc khai thác đảm bảo chất lượng. Nên mua giống tại các cơ sở có uy tín. Cua giống có kích cỡ khoảng 100 con/kg, đồng đều, màu sắc tươi sáng. Cua hoạt động tốt, không có dấu hiệu bệnh, đầy đủ càng; không bị tổn thương, mất mát các phần phụ.

- Thả giống:

Nên thả giống là vào lúc sáng sớm hoặc chiều mát, mật độ: 15-20 con/m^2. Tiến hành thêm nước của ao nuôi từ từ vào khay giống để cua quen với nhiệt độ sau đó từ từ thả cua ra ao hoặc ra giai. Vì cua có tập tính vùi xuống đáy nên khi thả cua cần rải đều trong ao tránh thả tập trung một chỗ cua dễ ăn thịt lẫn nhau làm giảm tỉ lệ sống, chọn những điểm ở trong ao có nền đáy sạch, cát nhiều để thả giống.

4. Thức ăn và cách cho ăn

- Sử dụng thức ăn công nghiệp loại chìm, là sản phẩm thức ăn cho tôm có chất lượng, độ đạm >=22% để cho cua ăn.

- Khẩu phần cho ăn: Cho ăn khi cua còn nhỏ lượng thức ăn tương đương 10% khối lượng cua thả trong ao. Định kỳ 15 ngày/lần, dùng chà hoặc rớ để kiểm tra cua để xác định tỷ lệ sống, trọng lượng đàn và cân đối lượng thức ăn cho phù hợp. Sau 15 ngày đến hết tháng nuôi thứ 2: Lượng thức ăn trong ngày bằng 7% khối lượng cua nuôi trong ao. Từ tháng nuôi thứ 3 trở đi: Lượng thức ăn cho ăn trong ngày dao động từ 3 - 7% khối lượng cua nuôi trong ao. Ngoài ra, cho cua ăn thêm thức ăn cá tạp 2 lần/tuần.

*** Lưu ý:**

Khi cho cua ăn, rải đều thức ăn đều khắp hồ để chúng khỏi tranh thức ăn với nhau. Trong quá trình nuôi, định kỳ 15 ngày ăn bổ sung thêm Vitamin C với liều lượng 3 - 5g/kg thức ăn, cho cua ăn liên tục trong 5 ngày nhằm tăng sức đề kháng cho cua nuôi. Ngoài ra, vào những thời điểm thời tiết nắng nóng, nhiệt độ nước tăng cao cũng cần bổ sung thêm Vitamin C, khoáng và men tiêu hóa nhằm tăng cường sức đề kháng và ngừa bệnh cho cua nuôi.

Kiểm tra lượng thức ăn mà chúng sử dụng để điều chỉnh tăng giảm bằng cách dùng vó cho vào sàng 1 - 2% lượng thức ăn cho mỗi lần, tránh dư thừa làm ô nhiễm môi trường nước. Đặc biệt là không để thiếu thức ăn sẽ tăng nguy cơ cua ăn thịt lẫn nhau, tỷ lệ sống rất thấp, khả năng phân đàn cao. Kiểm tra lượng cho ăn bằng cách, cho thức ăn vào sàng ăn sau khi đã vãi đều khắp ao, lượng thức ăn cho vào sàng bằng 1% lượng thức ăn cho mỗi lần. Thời gian kiểm tra sàng ăn: Tháng nuôi thứ nhất sau 2,5 giờ; Tháng nuôi thứ hai sau 2 giờ; Từ tháng nuôi thứ ba đến khi thu hoạch sau 1.5 giờ.

5. Chăm sóc và quản lý ao nuôi

- Quản lý các yếu tố môi trường:

+ Hai tuần đầu, định kỳ 3-5 ngày thay nước 1 lần, mỗi lần thay từ 20 - 30% lượng nước trong ao.

+ Từ tuần nuôi thứ 3 trở đi định kỳ 10 ngày thay nước 1 lần, mỗi lần thay 30-50% lượng nước trong ao.

- Định kỳ hàng tuần kiểm tra các yếu tố môi trường như: pH, độ kiềm, nhiệt độ để kịp thời điều chỉnh.

- Định kỳ hàng tuần, khi trời mưa hoặc khi cua lột xác, tiến hành bón vôi với lượng 2 kg/100m^2 để nâng cao và ổn định pH cho ao nuôi, đồng thời cung cấp canxi giúp cua tạo vỏ tốt hơn.

- Thường xuyên kiểm tra lưới chắn xung quanh ao, bờ ao, đăng cống nhất là khi trời mưa, lũ để tránh cua thoát ra ngoài.

- Định kỳ 15 ngày/lần kiểm tra trọng lượng và ước tỷ lệ sống cua để điều chỉnh lượng thức ăn cho vừa đủ, bắt cua lên kiểm tra tốc độ sinh trưởng và tình trạng sức khoẻ của cua để có giải pháp xử lý kịp thời.

6. Thu hoạch

Khi cua đạt kích cỡ thương phẩm sẽ tiến hành thu hoạch cua. Có thể thu tỉa bằng cách thả rập hoặc thu toàn bộ bằng cách thu hết giá thể mà cua trú ẩn, rồi tiến hành xả cạn để bắt cua■

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

? TƯ VẤN KHUYẾN NÔNG

Hỏi: ***Cá song 25 ngày tuổi khi có biểu hiện bơi quay tròn trên mặt nước? Xin cho biết cá mắc bệnh gì và cách chữa trị?***

Nguyễn Hà - Phú Yên

Đáp:

Đây là dấu hiệu đặc trưng của bệnh hoại tử thần kinh ở các loài cá biển (*Viral nervous necrosis*- VNN). Bệnh này còn có một số tên gọi khác như: bệnh virus viêm màng lưới não của cá biển, bệnh cá bơi xoắn, bệnh cá mú liệt hay bệnh cá điên... Đây là bệnh nguy hiểm trong nuôi cá biển. Bệnh gây chết nhiều ở giai đoạn cá con, đặc biệt là cá dưới 20 ngày tuổi. Bệnh phát triển mạnh vào mùa có nhiệt độ cao. Tác nhân gây bệnh là vi rút *Nodavirus* ký sinh trong tế bào chất của các tế bào thần kinh ở não và ở võng mạc mắt.

**** Dấu hiệu bệnh lý:*** Cá dưới 20 ngày tuổi bị bệnh không có dấu hiệu bệnh lý rõ ràng. Cá 20 - 45 ngày tuổi bị bệnh có dấu hiệu yếu, bơi gần tầng mặt. Cá 45 - 120 ngày tuổi, khi bị bệnh bơi không định hướng, quay tròn hoặc xoáy trôn ốc, kém ăn hoặc bỏ ăn, thân đen xám, đặc biệt đuôi và các vây chuyển màu đen, bóng hơi căng phồng. Cá bị bệnh hoạt động yếu, hôn mê, đầu treo trên mặt nước hoặc nằm dưới đáy bể hoặc đáy lồng. Nếu mổ cá sẽ thấy ruột không có thức ăn, nhưng chứa đầy chất dịch màu xanh hay màu nâu nhạt, lá lách có chấm đỏ.

Cá mẹ bị bệnh có thể truyền nhiễm sang cá con. Virus từ cá bệnh có thể theo dịch tiết vào môi trường nước, xâm nhập vào cá khỏe qua mang, da và miệng.

**** Biện pháp phòng bệnh:***

- Lựa chọn cá bố mẹ không mang virus bằng cách kiểm tra trứng cá trước khi cho cá đẻ bằng kỹ thuật PCR. Sát trùng bể ương và dụng cụ bằng Chlorine 100 ppm 1 tuần/lần và rửa kỹ lại bằng nước sạch trước khi sử dụng. Loại bỏ những đàn cá bột khi đã phát hiện VNN dương tính (+) thông qua kỹ thuật PCR. Tăng hoạt động trao đổi nước trong bể ương ấu trùng để đảm bảo môi trường tốt và loại bỏ bớt tác nhân gây bệnh.

- Đối với cá nuôi lồng bè trên biển, vẫn biết rằng thả giống kích cỡ nhỏ mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn, nhưng do nguy cơ của bệnh VNN gây tác hại lớn ở giống cỡ nhỏ, vì vậy khuyến cáo bà con thả giống cỡ lớn để hạn chế tác hại của bệnh VNN.

Dùng vắc-xin và các chất kích thích miễn dịch là giải pháp có hiệu quả nhất để phòng bệnh này.

Hỏi: ***Xin cho biết các yêu cầu kỹ thuật cơ bản khi nhân giống keo lai bằng hom?***

Lưu Thị Hà - Điện Biên

Đáp:

Không cắt hom quá già hoặc quá non. Hom cắt không được để trực tiếp dưới ánh nắng mặt trời.

Vật liệu hom không nên lấy quá xa nơi giâm hom và không nên cất trữ quá 1 ngày. Khi vận chuyển phải cất giữ hom trong bình lạnh và phải giữ đủ ẩm.

Hom phải được cắt bỏ hết nụ hoa, hoa và chồi phụ đã ra lá. Đối với cây lá kim phải có đủ búp ngọn. Hom giâm không ngắn dưới 5 cm, nhưng cũng không dài quá 10 cm.

Khi cắt hom phải dùng dao ghép sắc để hom không bị dập nát và xây xước. Xử lý thuốc chống nấm trước khi xử lý thuốc ra rễ. Phải để lại một số lá tối thiểu ở phía trên cho hom và cắt bớt phiến lá nhưng phải cắt hết lá ở phần giâm dưới đất.

Giâm hom phải đặt trong lều nilon để giữ ẩm và giữ nhiệt, trên lều có mái che để tránh ánh nắng trực xạ và giảm bớt cường độ sáng. Giá thể giâm hom phải thoát nước tốt và không bị nhiễm nấm bệnh. Phải thường xuyên phun đủ ẩm và giữ đủ độ ẩm không khí cho hom giâm.

Để giâm hom thành công phải thực hiện một cách đầy đủ và đồng bộ các biện pháp kỹ thuật cần thiết từ khâu chăm sóc cây mẹ lấy cành đến lấy hom và giâm hom cũng như tạo điều kiện cần thiết để hom dễ ra rễ. Sau khi hom ra rễ lại phải biết huấn luyện cây hom để chúng thích ứng với điều kiện vườn ươm và trồng rừng.

Hỏi: ***Gia đình tôi muốn mua bò sữa để nuôi. Xin cho biết cách chọn một con bò sữa tốt?***

Minh Quân - Phù Đổng, Hà Nội

Đáp:

Muốn mua được bò sữa tốt phải biết cách chọn bò theo những tiêu chí nhất định. Có nhiều cách chọn bò, tốt nhất là kết hợp giữa các cách sau đây:

- Cách chọn bò sữa theo phả hệ: phương pháp này là dựa vào các tính năng sản xuất của ông, bà, bố, mẹ. Bởi vì, khi thế hệ ông, bà, bố, mẹ tốt thì mới cho thế hệ con tốt.

- Cách chọn bò sữa theo ngoại hình và sự phát triển cơ thể: Chọn những con lớn nhanh, khoẻ mạnh. Khối lượng cơ thể của bò phải phù hợp với từng độ tuổi và giống tương ứng.

Khi quan sát bò sữa để lựa chọn, cần chú ý đến hình dáng và sự cân đối của các phần cơ thể (đầu, mình, tứ chi) và đặc biệt chú ý đến sự phát triển của bầu vú. Bò sữa tốt có cơ thể "hình cái nêm", thân sau phát triển hơn thân trước, đầu thanh, nhẹ, mõm to, mũi to, cổ dài vừa phải, sườn nở, ngực sâu, hông rộng, các đầu xương nhìn rõ. Vai, lưng và hông không võng và rộng dần về phía xương chậu, mông phẳng, rộng và dài. Bốn chân khoẻ, chân sau thấp hơn chân trước, không chụm khoeo. Bầu vú cân đối, phát triển nhưng không chảy, bốn núm vú dài, to vừa phải và đều đặn. Tĩnh mạch vú to, dài, có nhiều nếp gấp khúc. Sau khi vắt sữa, sờ vào vú thấy mềm mại.

- Cách chọn theo năng suất và các tính năng sản xuất sữa: tức là chọn những con cho năng suất sữa cao và có chất lượng sữa tốt (tỷ lệ mỡ sữa cao), tương ứng đối với từng giống. Nên chọn những con bò hiền lành, dễ gần, dễ vắt sữa, sữa xuống nhanh■

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

TỈNH SƠN LA CÔNG BỐ CHỨNG NHẬN THƯƠNG HIỆU "NA MAI SƠN"

Ngày 25/8, Ủy ban Nhân dân huyện Mai Sơn (tỉnh Sơn La) tổ chức Lễ công bố nhãn hiệu chứng nhận "Na Mai Sơn" và ngày hội nông sản năm 2018.

Đây là dấu ấn quan trọng đối với những người trồng na ở Mai Sơn bởi sản phẩm na Mai Sơn đã khẳng định được thương hiệu và nâng cao sức cạnh tranh với sản phẩm cùng loại trên thị trường. Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Mai Sơn Vũ Tiến Đĩnh cho biết, việc tổ chức sự kiện công bố nhãn hiệu chứng nhận "Na Mai Sơn" và ngày hội nông sản năm 2018 nhằm giới thiệu tiềm năng, thế mạnh, quảng bá sản phẩm na và các sản phẩm nông nghiệp giá trị cao của địa phương tới người tiêu dùng, các nhà đầu tư cũng như du khách. Đồng thời, qua sự kiện tạo cơ hội cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ nông dân của huyện hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để sản xuất, kinh doanh, nâng cao giá trị sản phẩm, tạo việc làm ổn định và tăng thu nhập cho người dân.

Lễ công bố nhãn hiệu chứng nhận "Na Mai Sơn" và ngày hội nông sản năm 2018 đã thu hút 35 gian hàng trưng bày, giới thiệu các sản phẩm nông sản đặc trưng của huyện Mai Sơn và các huyện, thành phố trong tỉnh Sơn La tham gia; trong đó, 15 gian hàng trưng bày, giới thiệu sản phẩm na Mai Sơn của các hợp tác xã, hộ gia đình trong vùng trồng na sản xuất bảo đảm tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, sản xuất theo quy trình VietGAP.

Theo Danviet

GIÁ LỢN HƠI "HẠ NHIỆT", ĐÀN NÁI VẪN TĂNG 11,5%

Giá lợn xuất chuồng trong tháng 8 ghi nhận giảm so với tháng trước. Dự báo, giá thịt lợn trong nước sẽ có xu hướng "hạ nhiệt" trong một vài tháng tới.

Theo Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản (Bộ NN&PTNT): Giá lợn xuất chuồng trong tháng 8 có xu hướng giảm bình quân 4-6% so với tháng trước. Cụ thể, tại Hà Nam, thủ phủ nuôi lợn miền Bắc, giá lợn hơi giảm khoảng 4.000-5.000 đồng/kg, xuống 50.000-51.000 đồng/kg. Tại một số tỉnh như Phú Thọ, Thái Nguyên, Nam Định đồng loạt giảm 5.000-7.000 đồng/kg. Tại miền Trung, Tây Nguyên, giá lợn hơi cũng giảm từ 3.000-6.000 đồng/kg xuống còn 47.000-50.000 đồng/kg.

Dự báo, giá thịt lợn trong nước sẽ có xu hướng hạ nhiệt trong một vài tháng tới. Nguyên nhân được chỉ ra là, giá lợn hơi bắt đầu tăng từ tháng 4 và giữ ở mức cao trong 2 tháng gần đây đã khiến các hoạt động đầu tư tái đàn, tăng đàn diễn ra khởi sắc hơn trên cả nước. Đặc biệt, một số doanh nghiệp và các trang trại lớn cung cấp ra thị trường nguồn cung lợn giống đáp ứng cho nhu cầu của hoạt động sản xuất chăn nuôi. Hiện nay, đàn lợn nái nuôi tại các doanh nghiệp đã tăng bình quân 11,5% so với cùng kỳ năm 2017. Ngoài ra, khi giá thịt lợn hơi ở mức cao, một bộ phận người tiêu dùng đã chuyển sang tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi khác như thịt bò, thịt gia cầm hay sản phẩm từ thủy sản làm giảm áp lực đến nguồn cung sản phẩm thịt lợn.

Theo Danviet

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

INDONESIA THẮT CHẶT CÁC QUY ĐỊNH NHẬP KHẨU THỦY SẢN

Chính phủ Indonesia đã đưa ra một quy định mới đối với hàng nhập khẩu (NK) thủy sản của nước này. Hiện tại, Indonesia chỉ NK sản phẩm khi có giấy phép mà Bộ Thương mại quy định, trong đó bao gồm cả nhập khẩu sản phẩm cá ngừ vào quốc gia châu Á này.

Bộ Thương mại công bố quy tắc chặt chẽ hơn, gọi là Số 66 năm 2018, có nghĩa là các nhà NK cần phải có một trong hai loại số nhập xác định, bao gồm API-P và API-U, do Bộ ban hành.

Giấy phép API-P, áp dụng đối với các công ty có nhu cầu NK thủy sản cho các mục đích kinh doanh tổng hợp, họ cũng phải có bằng chứng về cơ sở vật chất như kho lạnh được kiểm soát, vận chuyển lạnh và một đề nghị của Bộ Công nghiệp.

Hơn nữa, quy định nêu rõ, một phần của quy định mới bao gồm thứ tự cho tất cả các sản phẩm thủy sản được đóng gói để có nhãn bằng cả tiếng Indonesia và tiếng Anh nêu rõ tên thương mại và khoa học, trọng lượng tịnh và tên và địa chỉ của cả nhà NK và XK. Một giấy chứng nhận sức khỏe cũng nên được các nhà XK đưa vào với chữ ký của một nhân viên được ủy quyền hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nước xuất xứ.

Theo Vasep

TRUNG QUỐC THAY ĐỔI THUẾ NHẬP KHẨU GẠO

Bộ Tài chính Trung Quốc đã thông báo thay đổi thuế nhập khẩu gạo kể từ đầu tháng 7/2018, áp dụng với 14 chủng loại. Theo đó, các sản phẩm gạo nhập khẩu từ một số nước sẽ tuân thủ thuế suất cụ thể theo các quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Tổ chức Hải quan Thế giới và các hiệp định thương mại tự do song phương.

Thuế suất đối với thóc, gạo lức, gạo tấm, bột gạo mịn và bột gạo thô và gạo nhập khẩu từ Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) sẽ lần lượt là 50%, 50%, 5%, 40% và 5%.Chính sách thuế mới sẽ không ảnh hưởng tới thuế MFN đối với mặt hàng gạo, hạn ngạch nhập khẩu gạo có thuế quan và thuế suất thông thường.

Theo Bộ Tài chính nước này, việc điều chỉnh thuế quan dựa trên những thay đổi về tiêu chuẩn của ngành gạo trong nước, nhằm đáp ứng nhu cầu về phát triển thương mại. Đồng thời, việc điều chỉnh thuế suất cũng phù hợp với các điều khoản của các hiệp định đa phương và song phương, nhằm thực hiện các cam kết của Trung Quốc với WTO, và bảo đảm trật tự thương mại giữa Trung Quốc và các nước ASEAN.

VITIC/ecns.cn